

## PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

### QUYỂN 7

Tập này gồm sáu mục sau đây:

59. Chùa tháp Đàn Tràng
60. Kiền chùy đạo cụ
61. Phục tướng của Sa-môn
62. Trai pháp bốn thực
63. Thiên tự danh báo
64. Thống luận hai đế.

#### **59. CHÙA THÁP ĐÀN TRÀNG.**

Dụ sư ở trên chùa có dán lời cáo thị rằng: Chùa (tự) là cảnh giới Tu đạo nhiếp tất cả chúng tăng mười phương. Pháp vì đãi tất cả chúng tăng lui tới, là nơi thọ cúng, không kia không đây, không chủ không khách. Tăng Lý bình đẳng vì đồng hộ trì Phật pháp. Trong tất cả đồ ăn uống đều cúng mười phương phàm thánh đồng có. Gõ chuông làm pháp khắp tập hội tăng chúng đồng thời cùng thọ cúng, cùng vì đàn việt mà làm ruộng sanh phước, đúng pháp kịp thời đều không ngăn ngại. Ấy phải mở rộng ý xa, dẹp sạch bỏ loài, chẳng tiếc thân tài hộ trì Chánh pháp. Tây Vực Ký nói: Các Tăng già lam lại cực kỳ chế (đẹp đẽ). Xây cất lầu các nhiều tầng cột kèo chạm khắc cửa lớn cửa nhỏ tường thấp tường cao sơn vẽ nhiều hình. Lương Tăng Truyện nói: Tương truyền các vua ngoại quốc đập phá các chùa chỉ có Chiêu Đế thì chưa kịp phá hủy. Một đêm nọ ngựa trắng chạy quanh chùa hý vang thảm thiết. Liền vào trình vua, vua liền đình chỉ phá hoại. Nhân đó đổi tên Chiêu Đế thành Bạch Mã. Nên các chùa lập tên đều lấy phép đó. Tăng Sử Lược nói: Chùa Hồng Lô là cái nhà lớn để bốn rợ xa đến hầu vua mà ở. Liền khiến chọn một nơi ngoài cửa Tây thành Lạc Dương mà xây cất. Đó là tính xá dùng ngựa trắng chở kinh ở Tây Vực về để ở đó, nên đặt tên là Bạch mã. Tự chùa (?) dùng tự nổi (?) mà giải thích (?) người trị sự nổi

nhau nối tiếp ở đấy, vốn gọi là Ty. Tăng Tây Trúc chọt đến quyền do công ty khiến vào ở riêng chẳng quên gốc lại nêu tên chùa. Theo Thiên Nhân Lạc Huyền Sướng nói: Đời Chu Mục Vương, Văn Thù Mục-liên đến giáo hóa. Mục Vương liền theo. Tức Liệt Tử gọi Hóa Nhân là đó. Hóa Nhân dạy Mục Vương cây bốn đài cao là chỗ Phật Ca-diếp nói pháp, nhân đó tạo ba Hội đạo tràng. Lại nói: Chu Mục Vương thân đạo Đại Hạ, Phật bảo cõi ấy có Cổ tháp có thể đến lễ. Vua hỏi ở đâu? Đáp: Ở phía Đông nam của Cao kinh. Lại hỏi: Chu Mục về sau các vua kiến lập chùa tháp, vì sao cõi này ít thấy văn ghi chép. Đáp: lập tháp là do ở tiền duyên phần nhiều thần linh tạo ra, người ít thấy nên văn tự ít truyền. Văn Hùng Lưu Hương tìm ở Tầng thư thường thấy có kinh Phật. Há chẳng phải trước đời Tần đã có kinh tháp. Hoặc gọi Tăng phướng, nhà riêng gọi là phướng. Hoặc gọi Tinh xá. Thích-ca Phổ nói: Nơi ở dứt tâm gọi là Tinh xá. Chùa Linh Dụ có thông cáo rằng: Không phải chỗ ở của người thô bạo gọi là Tinh xá. Nghệ Văn Loại nói: Không phải là nhà tinh diệu, mà do là chỗ ở của người tu tinh luyện nên gọi tinh xá. Hoặc gọi đạo tràng. Triệu Sư nói là Trường tu đạo. Vua Tùy Dương Đế ra lệnh chùa viện trong thiên hạ đều gọi là đạo tràng. Chỉ Quán nói: Đạo tràng là Chánh giác thanh tịnh. Trị đường năm trụ hiểu biết gạo thật tướng. Hoặc gọi Liên xã. Xã tức lập năm ngày Tuất sau xuân thu gọi là xã. Nhà nông lập hội cúng tế cầu lúa thóc Bạch Hổ Thông nói: Vua, do đó có xã sao vì thiên hạ mà cầu đất phước báo, không có đất thì chẳng có ăn đất rộng thì không thể khắp kính. Cho nên phong đất để lập xã. Vãng Sanh Truyện nói: Đời Đông Tấn có Huệ Viễn Pháp sư ẩn mình ở núi Lô cùng một trăm hai mươi ba người giao kết sanh Tây phương mà cùng có tướng lập Liên xã. Nay Liên xã do đó mà bắt đầu.

- Sát-ma (Ksetra), chánh âm là Chế-đa-la, dịch là Thổ điền Tịnh Danh Lược Sở nói: vạn cảnh chẳng đồng cũng gọi là Sát. Thù Dụ nói: Bởi dùng trang nghiêm sai khác nên gọi là Sát. Đây chỉ cõi nước gọi là sát. Lại còn Già lam phạm sát thì như Phụ Hành nói: Tây Vực dùng gây biểu thị Sát là chỉ chỗ ở. Tiếng Phạm là Sát-sắc-để, dịch là gây tre, tức cột phướng. Trường A-hàm nói: Nếu Sa-môn ở trong pháp này cần khổ được một pháp thì liền dựng phướng để báo bốn phương biết là nay có người thiếu dục. Lại Pháp Hoa nói: Biểu thị tháp cao rộng, đây là do Tháp Bà cao lớn tiêu biểu cho đất vàng (Kim Địa) cho nên lấy chỗ nhóm họp lâu dài mà biểu thị cho Kim sát. Như Pháp Uyển nói: Vua A-đục lấy hoa vàng, phướng vàng treo trên các chùa tháp các sát.

- La-ma (Àrama), dịch là Viện. Viện nhỏ có tường bao quanh.

- Chiêu-đề (Caturdizya), kinh Âm Nghĩa nói: Tiếng Phạm gọi là Chiêu-đấu-đề-xa, Đường gọi là bốn phương tăng vật. Chỉ Triệu gọi lầm là Chiêu-đề, dịch là Biệt phòng thí hoặc nói Đối diện thí, hoặc tiếng Phạm là Tăng Man dịch là đối diện thí. Âm Nghĩa nói: Thế cảnh giao hiện gọi là đối, bớt phần mình đem cho người gọi là thí. Vua Thái Võ đời Hậu Ngụy năm Thủy Quang một đã tạo già lam và đầu tiên đặt tên Chiêu đề.

- Tăng-kỳ (Saurghika), dịch là vật bốn phương tăng. Luật chép có bốn thứ thường trụ: Một là Thường trụ thường trụ, tức là phòng, nhà, chùa, bếp, kho, cây cỏ, ruộng vườn, tôi tớ... của chúng tăng. Vì thế nó chỉ thuộc chỗ ấy, không thông chung các chỗ khác, chỉ được dùng không được bán, nên có hai tiếng thường trụ; hai là Mười phương thường trụ như nhà tăng cúng tăng ăn hằng ngày, thế chung cả tăng mười phương chỉ thuộc chỗ ấy. Hai thứ này gọi là vật Tăng-kỳ; ba là Hiện tiền hiện tiền, nghĩa là vật cho tăng chỉ cho các tăng hiện tiền ở chỗ đó; bốn là Mười phương hiện tiền, như vật riêng dùng của năm chúng đã chết. Nếu chưa Yết-ma mà tăng mười phương xái thì bị tội. Nếu đã Yết-ma thì mười hiện tiền tăng bị tội. Hai thứ này gọi là vật hiện tiền tăng.

- A-lan-nhã (Aranya) hoặc A-luyện-nhã. Đại Luận dịch là Viễn ly xứ. Luận Tát-bà-đa dịch là Bể Tịnh Xứ Thiên Thai nói: Không làm việc chúng gọi là Nhân, không ồn ào gọi là Tịnh. Hoặc dịch là Vô tránh, nghĩa là người ở đó không cùng đời tranh cãi, tức chỗ ở xa xóm làng khoảng năm dặm. Triệu nói: Giận hờn giành sống ở chỗ đông, không tranh giành xuất thế chốn không nhân. Cho nên Phật khen nên ở A-lan-nhã. Ứng Sư dịch là không tịch. Uyển Sư phân làm ba loại: Một là Đạt-ma A-lan-nhã, tức là trước thời Hoa Nghiêm, là nói các pháp xưa nay trống vắng, không khởi làm nghĩa; hai là Ma-đăng-già A-lan-nhã, tức là nơi gò mã, phải cách xa xóm làng một Cu-lô-xá, là chỗ trâu lớn rống mà không nghe; ba là Đàn-đà-ca A-lan-nhã tức là chỗ ở sa mạc.

- Tăng-già-lam (Saurgha àrama), dịch là chúng viện. Tăng Sử Lược nói: vì chúng làm vườn tược, vườn tược là nơi trồng cây. Đệ tử Phật gây mầm Thánh quả.

- Na-lan-đà (Nalanda), Tây Vực Ký nói: Đường gọi là Thí không biết chán. Phía Nam của Già lam này trong vườn Am-một-la có ao, có rồng tên Na-lan-đà bên cạnh bên lập già lam nhân đó lấy tên ấy. Thật mà nói: Thí thuở xưa khi Như Lai tu hạnh Bồ-tát, làm vua nước lớn đã lập đô ở đất này. Thường xuyên chúng sanh mà nuôi dưỡng. Lúc đó khen đức tốt của vua nên gọi là Thí không biết chán. Đại Tổng Tăng

Truyện nói: Chùa Na-lan-đà, chu vi bốn mươi tám dặm, chín chùa một cửa, do chín vua trời tạo ra. Già lam ở Tây Vực không có cái nào rộng như thế.

- Am-la-viên (Àmra àràma), Xiển Nghĩa nói: Am-la là tên một thứ trái cây, trái nó giống trái đào. Hoặc gọi Tợ nại (giống trái mít?). Cây này nở hoa, hoa sanh một cô gái. Người trong nước khen lạ, lấy vườn mà phong cho. Vườn thuộc cô gái, cô gái giữ gìn nên nói vườn cây Am-la. Vì ngẫm huân thiện xưa nên thấy Phật rất vui mừng mà đem vườn dâng cúng Phật Phật liền nhận mà ở đó.

- Ca-lan-đà (Karauḍa), Luật Thiện Kiến và kinh Luật Dị Tướng nói là tên núi chuột. Lúc đó vua Tỳ-xá-ly vào núi ngủ dưới gốc cây, có một con rắn độc muốn bò ra cắn vua. Lúc đó dưới cây ấy có một con chuột đến kêu lớn khiến vua thức giấc. Vua cảm ân ấy bèn đem thức ăn một thôn mà cúng cho núi chuột này, và gọi thôn ấy là Ca-lan-đà. Trong thôn này có một Trưởng giả có tiền vàng bốn mươi ức, vua bèn ban cho hiệu Trưởng giả. Do thôn ấy mà gọi Ca-lan-đà Trưởng giả. Tam Tạng Truyện nói: Chủ vườn tên Ca-lan, trước đem vườn này mà cúng cho ngoại đạo, sau gặp Phật lại nghe pháp sâu, hận không lấy lại được vườn mà cúng cho Như Lai. Lúc đó có thần đất biết ý liền hiện tai quái nhát các ngoại đạo mà đuổi ra khỏi vườn. Bảo rằng: Trưởng giả muốn lấy vườn cúng Phật các ông phải đi mau. Ngoại đạo ngậm giận mà đi. Trưởng giả vui mừng lập tinh xá mời Phật đến ở.

- Lâm-vi-ni (Lumbinì) hoặc gọi Lưu-di-ni, Lam-tỳ-ni. Hay Lam-tỳ-ni, dịch là giải thoát xứ, cũng dịch là Đoạn, hay Diệt. Hoa Nghiêm Âm Nghĩa dịch là Lạc Thắng Viên Quang. Do xưa Thiên nữ đến mà lập ra tên này. Mới gọi là Lam-bì-ni. Đây gọi là Lam tức tên cô gái giữ vườn từ thượng cổ.

- Mạt-tô-phạt-na (Tàmasavasa), Tây Vực Ký nói: Đường gọi là Âm lâm (vườn tối). Ngàn Phật đều ở đất này mà nói pháp. Phật diệt độ rồi ba trăm năm có Ca-đa-diễn-na ở đây mà chế phát (tạo?) ra Trí Luận.

- A-xà-lý-nị (Àsàlinì), Tây Vực nói: Đường gọi là kỳ đặc.

- Kê-đâu-ma (Kukkulasamgha Àràma), Tụng Sớ giải thích kê viên dẫn Trí Luận nói: Xưa có lửa hoang đốt rừng. Trong rừng có con chim trĩ chui vào nước giấu cánh để tránh lửa cháy. Toản Yếu nói: Tức chùa Kê-đâu-ma.

- Tốt-đổ-ba (Stùpa), Tây Vực Ký gọi là Phù-đồ, lại gọi Thâu Bà, Tư Thâu Bá đều sai, đây dịch là phương phần (mà vuông) cũng dịch là

viên trũng (mà tròn) hay cao hiển. Dịch nghĩa Linh miếu. Lưu Hy giải thích tên gọi miếu là mạo (hình dạng). Tức hình dạng Tổ tiên ở đó. Lại tiếng Phạm gọi là Tháp-bà. Phát Chấn nói: Thuyết văn nguyên không có chữ này. Từ Huyền Tân thêm rằng: Là Phù-đồ ở Tây quốc. Nói Phù-đồ thì đây dịch là Tụ Tướng. Giới Đàn Viên Kinh nói: Nguyên chữ Tháp là tiếng của phương này không phải là chữ của Tây Vực. Nếu theo bản tiếng Phạm chỗ chôn giấu xương Phật thì gọi là Tháp-bà. Hậu Phần Kinh nói: Phật bảo A-nan: Phật nhập Niết-bàn trà tỳ xong rồi thì tất cả bốn chúng thâu nhật xá-lợi để trong bình bảy báu. Ở ngã tư đường trong thành Ca-thi-na mà xây tháp bảy báu cao mười ba tầng trên có luân tướng. Tháp Bích-chi Phật phải mười một tầng, tháp A-la-hán thì bốn tầng cũng dùng các báu mà trang sức. Tháp của Chuyển Luân Vương cũng dùng bảy báu mà thành nhưng không có tần cấp. Vì sao thế? Chưa nói ba cõi có các khổ. Kinh Mười Hai Nhân Duyên nói: Các tháp đều có Lộ bàn. Tháp Phật có tám lớp, tháp Bồ-tát bảy lớp, tháp Bích-chi Phật sáu lớp, tháp bốn quả năm lớp, tháp ba quả bốn lớp, hai quả ba lớp, sơ quả hai lớp, chuyển luân một lớp. Phạm tăng tiêu (đốt) diệt Hỏa châu mà thôi.

- Chi-đề (Caitya) hoặc gọi Nan-đề Chi-đề Chế-đề Chế-đa dịch là chỗ có thể cúng dường hoặc chỗ diệt ác sinh thiện. Tạp Tâm Luận nói: Có xá-lợi gọi là tháp, không có xá-lợi gọi là Chi-đề. Văn Cú nói: Chi-đề thì không có xương thân. A-hàm nói: Có bốn chỗ nên làm tháp biểu trưng là chỗ Phật sanh, chỗ Phật đắc đạo, chỗ Phật Chuyển pháp luân, chỗ Phật Nhập Niết-bàn.

- Xá-ma-xa-na (Savapàsana), dịch là Trũng (cái mã cao). Tây Vực Tăng chết rồi thì chôn xương dưới đất, trên để nhiều gạch đá giống như Tốt-đổ-ba, chỉ hơi nhỏ thấp hơn.

- Kiện-đà-cu-chi (Gamdhakuti), Nghĩa Tịnh nói: Phương Tây gọi Phật Đường là Kiện-đà-cu-chi, dịch là Hương thất.

- Tỳ-ha-la (Vihàra) dịch là chỗ Du hành (đi đạo), tức là chỗ Tăng đi đạo.

- Mãn-trà-la (Mandala), dịch là Đàn. Mới nói gọi đúng là Mạn-trà-la. Nói Đàn thì Trịnh Huyền Chú Lễ nói: Phong Thổ gọi là Đàn, Trừ Địa gọi là Thiện. Phong là khởi thổ giới (nêu ranh giới đất). Đàn là nói Thản (bằng phẳng), Thản là nói mạo (hình dạng). Hán Thư Âm Nghĩa nói: Đấp đất cao gọi là Đàn, dọn sạch đất bằng gọi là Tràng. Quốc Ngữ nói: Chỗ quét sạch đất của Đàn gọi là Tràng. Chu Thư nói: Vì ba đàn đồng thiện, thiện là quét sạch đất. Thuyết Văn nói: Là đất đồng. Nhĩ

Nhã nói: Nơi nai ở gọi là tràng. Thi nói: Tháng 9 xây tràng phố. Chú rằng: Xuân hạ làm vườn rau. Thu đông làm tràng. Tràng tức là làm bằng mặt đất trên để lúa thóc.

- Thoát-xà (Dhrajā), Tư Trung dịch là Tràng. Huân Văn nói: Xà có nơi gọi là Độ, dẫn Nhĩ Nhã nói: Xà là Đài nói thoát là chứa đất bị xoạt ra. Nay không lấy bởi là tiếng Phạm.

- Câu-tra-ca (Kutaṅgaka), dịch là nhà nhỏ.

### 60. KIỀN CHÙY ĐẠO CỤ.

Bồ-tát Giới Kinh nói: Là đồ giúp đời thuận đạo. Trung A-hàm nói: Chứa vật để giúp thân tiến đạo, tức là đồ làm tăng trưởng pháp lành. Biện Chánh Luận nói: Sa-môn là biểu tượng của Hạnh vượt tục, tâm đạo ngoài Trần. Cho nên ứng khí không phải trình bày ở làng Miếu, nhuộm áo cho khác với y phục chốn triều đình. Bắc Sơn Lục nói: Phụ quỹ trở đậu chế độ văn chương là đồ của Lễ. Lên xuống trên dưới chu toàn Đản Tập là văn của Lễ. Chuông trống quả khánh vũ thực can thích là đồ của Nhạc. Co duỗi cúi ngược chước triệu thư tật là văn của Nhạc. Bỏ đây thì bỏ Lễ Nhạc. Sửa chép vẽ khắc Đài Hương ghế pháp là đồ của Đạo Đức. Cạo tóc, trích vai áo lạy, đi nhiều thiền giảng trai giới là văn của Đạo Đức, bỏ đây thì Đạo Đức yếu.

- Kiên-chùy (Gantikā-Ganta?) Thịnh luận dịch là khánh hay chuông. Tư Trì nói: Như các luật luận đều gọi là kiên-chùy. Tăng Nhất nói: A-nan lên giảng đường gõ kiên-chùy. Đây là trống hiệu của Như Lai năm phần nói: Các Tỳ-kheo Bồ-tát đúng lúc hoặc không đúng lúc nhóm họp tại phòng Hành đạo. Phật nói: Nếu xướng đến giờ phải đánh kiên-chùy hoặc đánh trống thổi loa. Khiến Sa-di ở lâu và tịnh nhân đánh, không được đánh quá ba tiếng. Nếu xướng giờ thứ hai đến thì cũng khiến Sa-di tịnh nhân xướng ở đông người chẳng nghe khắp thì lên chỗ cao mà xướng, nếu ao chẳng biết thì nói lại cho biết. Nếu không có Sa-di thì Tỳ-kheo đánh cũng được. Sự sao nói: Như việc đánh kiên-chùy bắt đầu bằng những tiếng nhỏ rồi lớn dần cho đến nghe hết mới đánh một tiếng khi Phật còn tại thế chỉ có ba hạ nên Ngũ phần nói đánh ba tiếng. Sau nhân thỉnh người khác (người khác thỉnh) mới có hồi dài. Song khi mới đánh tiếng đầu phải y kinh luận mà lập nêu tâm, ắt cả cảm trưng. Khi đánh chuông lạy Tam bảo xong thì đủ nghi đứng niệm rằng: Ta đánh chuông này để gọi mời Tăng chúng mười phương, những ai được nghe đều đến vân tập, có lợi đồng hòa. Lại chúng sanh chịu khổ ở các ác thú khiến được dừng khổ. Trong truyện Phó Pháp Tạng nói: Vua

Kế-nị-tra vì giết hại quá nhiều, chết rồi bị làm cá trắm đầu có cây kiếm chạy quanh thân mà cắt chặt, cắt rồi lại mọc ra. Có vị A-la-hán vì Tăng Duy Na đúng lúc đánh chuông. Khi tiếng chuông đánh lên thì cây kiếm dừng lại trên không chẳng chém chặt nữa. Do nhân duyên như thế mà khiến đánh ngân dài để khổ ta được ngừng lâu. Qua bảy ngày chịu khổ liền dứt. Ở huyện Thượng Nguyên ở Giang Nam có người dân bị bạo bệnh mà chết, tim vẫn còn nóng, ba ngày sau thì sống lại bèn bảo là bị bắt lầm. Tự bảo đến một điện lớn bỗng thấy Chúa cũ bị gông xiềng rất nặng. Người dân kinh hãi hỏi vì sao ông đến nỗi này. Chúa cũ đáp: Ta vì Tống Tề Khâu mà giết lầm kẻ ra hàng ở Hòa Châu hơn 1000 người. Vì kẻ oan tố cáo mà bị tội này. Chúa hỏi người dân ông sao đến đây. Người dân kể chuyện bị bắt lầm Chúa nghe người dân sẽ được sống lại vui mừng khóc lóc bảo ta nhờ ông về nói với vua sau phàm chùa viện đánh chuông nên để ngân dài. Ta chịu khổ chỉ nghe tiếng chuông mà tạm dứt khổ. Có có thể vì ta mà tạo một chuông thì rất tốt. Người dân đáp tôi chỉ là kẻ hạ dân không có gì mà được gặp vua. Nếu gặp thì lấy gì làm chứng cứ. Chúa thầm nghĩ bảo khi ta còn tại vị đã từng giao thiệp với vua nước Vu Điền đã tặng ta một viên ngọc Đoan Thiên vương, ta rất ưa thích thường để trong búi tóc mà nhận bá quan triều kiến. Một hôm vào nhà xí bỏ quên viên ngọc, cảm thấy đau đầu, mộng thấy thân mách bảo đem ngọc để trong tháp Phật hoặc trong thân Phật thì bệnh sẽ lành. Ta liền dắt một người thợ vào chùa Ngõa Quan đục gổ trái của Phật để giấu viên ngọc, rồi lấy bùn thơm bít lại không cai biết. Ta lấy việc này để chứng nghiệm. Người dân trở về nhà không dám chậm trễ bèn xin gặp vua kể rõ mọi việc. Quả nhiên vua hỏi lấy gì làm bằng cứ. Bèn đem việc viên ngọc mà trình bày vua bèn đích thân đến chùa Ngõa Quan mổ gổ Phật ra mà được viên ngọc. Cảm động khóc lóc. Rồi làm một chuông để ở chùa Thanh Lương, khắc trên đó rằng kính dâng Liệt Tổ Hiếu Cao Hoàng đế mong sớm thoát chốn tối tăm nguy khổ. Rồi dùng tương ngọc mà lập tháp chôn ở Tưởng Sơn. - Tăng Nhất nói: Khi đánh chuông tất cả khổ ở ác đạo đều dừng nghỉ. Ứng Pháp sư nói theo Ni Sao nói: Đến giờ thì tý-tra kiên-chùy. Ứng sư giải thích tiếng Phạm gọi tý-tra, phương này dịch là đánh. Tiếng Phạm gọi kiên-chùy. Phương này dịch là miếng gỗ được đánh hoặc gỗ đàn gỗ đồng, đây không chách dịch vì ở đó không có chuông khánh. Âm Nghĩa Chỉ Qui chê rằng: Chỉ như Phạm vương đúc chuông vàng ở chùa Kỳ Hoàn. Lại như Ca-diếp kết tập tánh đồng kiên-chùy, há không có chuông ư? Chỉ Thiên Trúc chưa biết có khánh. Ngũ Phần Luật nói: Tuy có ngôi gỗ đồng sắt đánh

kêu thì đều gọi là kiền-chùy. Lại trong luật tập hợp Tăng có bảy cách: Một là lượng ảnh, hai là đập ống tre gây tiếng kêu, ba là đốt khói, bốn là thổi ốc, năm là đánh trống, sáu là đánh kiền-chùy, bảy là xướng lớn. Nay các Đại đức, Bồ-tát đã đến giờ. Sự Sao nói: Vào pháp đường hải ở ngoài cửa trịch vai áo bên hữu, chấp tay ở tâm hết ý kính thành ngưng tưởng các Tăng trong Đường, tưởng đồng với Phật, tưởng đồng với Duyên giác, A-la-hán. Vì sao thế? Vì ba thừa đồng pháp ăn, kế muốn vào Đường. Nếu người ngồi ở cửa Tây thì ở mé ngoài cửa Tây, trước bước chân tả định tâm mà vào. Nếu ra khỏi cửa thì cũng từ phía Tây trước bước chân hữu mà ra. Nếu ngồi ở cửa Đông thì ngược lại như trên nên biết. Chẳng được ở trong cửa mà đi xéo qua. Nếu khi muốn ngồi phải lấy áo che lại chỗ để lộ bày hình xấu. Phải biết có năm pháp: Một là phải từ kính trọng pháp tôn người, hai là phải tự ty như cái khăn lau bụi, ba là phải biết ngồi đứng cúi ngược đúng lúc, bốn là ở trong tăng ấy không được nói tạp, năm là việc chẳng nhin được cũng ráng làm thinh. Phàm oai nghi của đồ chúng phải rất nghiêm túc thanh khiết, quĩ hạnh (phép tắc) dễ coi thì tạo thiện tâm cho đời, Thiên Long khen ngợi. Hoa Nghiêm nói: Thọ trì đầy đủ oai nghi giáo pháp, thế nên hay khiến Tăng Bảo chẳng dứt. Trí Luận nói: Đệ tử Phật pháp hòa hợp đồng ở: một là Hiền thánh nói pháp, hai là Hiền thánh im lặng. Chuẩn theo chúng đây chỉ có thí hai việc chẳng được tạp nói loại thế luận hay nói ô nhiễm. Lại quý ở yên tịnh không thích ồn ào loạn động. Tụng kinh nói: Pháp ấy phải biết lúc. Thành Luận nói: Tuy là pháp Ngũ nếu nói chẳng đúng lúc thì gọi là Ý ngữ Hậu Duệ trụ trì nguyện tuân theo cách này.

- Xá-la (Sala), Luật Tứ Phần gọi là Trù. Ngũ Phần nói: Trù ngắn nhất cỡ 5 ngón tay, trù dài nhất khoảng một chỗ tay. To lắm thì không hơn ngón tay út, bé lắm thì không nhỏ hơn đầu đũa. Thập Tụng nói: Vì Đàn việt hỏi tăng không biết số Phật nên khiến làm Trù (cái thẻ) để đếm. Không biết số Sa-di thì làm thẻ mà đếm. Nếu người thí vật Bồ-tát, Sa-di cũng được. Tuy chẳng đến chỗ Yết-ma Bồ-tát là do có nhận thẻ (trù). Luật bốn phần vì người thọ cúng nên phát thẻ (trù) cho Sa-di. Nếu chưa thọ mười giới cũng được lãnh thẻ vì đồng nhận cúng thí. Nghiệp Sở nói: Có ba cách làm Thẻ (trù): Một là đầu lộ, hai là phú tàng (che giấu), ba là Nhĩ ngữ (nói nhỏ vào tai khuyên cố gắng). Sự Sao nói: Khiến Tăng trong chùa có sai tăng thứ thỉnh mà bớt khách. Tăng thứ dịch là vượt thứ, tức khiến khách tăng đáng được mà chẳng được, nên chủ nhân phạm tội nặng. Tùy đồng tình, là nhiều ít thông nhau là một trộm (xem như ăn trộm).



- Kịch-khí-la (Khakkhara), dịch là Tích giảo (tích trượng?) do khi rung thì kêu tích tích (xểng xểng). Thập Tụng gọi là thanh trượng, tích trượng. Kinh lại gọi là trí trượng hay đức trượng, tức nêu làm cho công đức trí hạnh, là tiêu biểu của Thánh nhân, là minh ký của Hiền sĩ là cái tràng của Đạo pháp. Căn Bản Tạp Sự nói: Tỳ-kheo đi khất thực vào sâu nhà Trưởng giả bèn bị chê bai liền bạch Phật. Phật nói: Có thể lấy tiếng nói để cho họ biết. Các Tỳ-kheo bèn lớn tiếng ha ha ồn ào, lại cũng bị chê bai. Phật cấm không cho. Bèn dùng nắm tay đấm cửa nhưng nhà có mấy người làm lạ ra hỏi vì sao đánh phá cửa nhà ta thì im lặng không đáp. Phật bảo: Nên làm cây tích trượng. Các Bí sô không hiểu. Phật nói: Trên đầu gậy nên để một vòng sắt như miệng cái chén lại để mấy vòng sắt nhỏ, khi lắc động thì có tiếng phát ra khiến biết. Lắc động một, hai lần, nếu không có người thì đi chỗ khác. Ngũ Bách Vấn Luận nói: Cầm tích trượng có lợi nhiều việc như phòng ngừa sâu độc rắn thú v.v... Nghĩa Tịnh nói: Tích trượng đều có ba phần: Phần trên là thiếc, phần giữa là gỗ, phần dưới là ngà hoặc sừng. Nếu hai đoạn sáu vòng là của Phật Ca-diếp chế ra, nếu bốn đoạn mười hai vòng là của Phật Thích-ca chế ra. Tề Trù Thiên sư ở núi Vương Ốc tại Hoài Châu nghe hổ đấu nhau bèn lấy tích trượng và giải vây. Nhân đó có tụng rằng:

*Vốn tự chẳng cầu danh,  
Chắc chắn danh cầu (tìm) ta.  
Trước hang can hai hổ,  
Át chượng quả thứ ba.*

Lại ở ngọn Đặng Ấn (ngài Đặng Ấn Phong?) đã phóng tích trượng lên không trung mà giải được hai trận.

- Lật-yết-tiết (Laguda), dịch là gậy. Có tụng rằng:

*Lạng lật gánh ngang chẳng ngó người,  
Thẳng vào ngàn núi vạn núi đi.*

- Quân-trì (Kudikà), dịch là Bình. Ký Qui truyện nói: Quân-trì có hai, nếu bằng sành gốm thì gọi là tịnh dụng, nếu bằng đồng sắt thì gọi là xúc dụng. Tây Vực Ký nói: Quân chùy ca tức là rửa bình. Xưa gọi quân-trì là sai. Ở Tây Vực Ni thì chứa bát quân-trì, Tăng thì chứa bát tháo quán (rửa rót) nghĩa là hai miệng cùng rửa rót. Sự Sao gọi là Ứng pháp tháp quán. Tư Trì nói: Một đầu trở xuống.

- Bát-ly Tát-la-phạt-noa (Paris ravana), dịch là lọc lượt nước. Hội Chánh Ký nói: Tây Vực dùng lụa trắng tốt, còn Đông Hạ thì dùng lụa dày. Nếu dùng lụa sống lọc thì trùng nhỏ qua được, nếu dùng lụa chín bốn thước năm biên kéo dài hai đầu đưa nhọn tức hình dáng cái lọc

nước. Hai góc làm dây đeo, hai bờ trụ câu ở trong đó (giữa) đặt ngang cây gậy trượng sáu, hai biên cột vào gậy dưới có chậu nước. Phải chế nước thấp vào giữa lọc. Nếu không thế thì trùng sẽ theo nước rơi xuống. Rớt xuống đất hay rơi trong chậu thì đều chết. Tăng Kỳ nói: Trùng nhỏ phải lọc ba lần (ba lớp lụa?). Tỳ-ni-mẫu nói: Phải làm túi lọc hai lớp, nếu được nên làm ba lớp, không được làm giáp (hai lớp) sợ ở giữa có trùng khó ra. Lọc rồi phải đổ ngược trùng lại nước cũ để hộ sinh. Căn Bản Bách Nhất Yết-ma nói: Có năm thứ lọc nước: Một là Phương-la, là dùng lụa ba thước hoặc hai thước (một thước # 0,4m) tùy lúc lớn nhỏ mà làm; hai là Pháp bình, tức bình âm dương vậy; ba là Quân-trì: Là dùng lụa cột miệng dùng dây treo lên, để chìm trong nước đợi đầy mới dẫn nước (kéo) ra; bốn là Chức-thủy-la; năm là Y-giác-la là chỉ lấy lụa dày vuông một tháp tay hoặc cột miệng bình hoặc để trong bát lọc nước mà dùng.

- Bát-tắc-mạt (Aksamàlà) hoặc gọi A-tỳ-tra-ca hai hộp đây dịch là sỏ châu (niệm chuỗi). Mộc Hoạn Tử kinh nói: Phải xỏ mộc hoạn tử một trăm lẻ tám hạt thường đeo theo mình chí tâm niệm Nam mô Phật-đà, Nam mô Đạt-ma, Nam mô Tăng-già bèn lần qua một hạt đủ như kinh ấy nói.

- Bát-đa-la (Pàtra), dịch là ứng khí. Pháp Chấn nói là đồ đựng đúng pháp. Nghĩa là Thể-Sắc-Lượng ba thứ đều phải đúng pháp. Thể thì đại yếu có hai: Là bùn đất và sắt. Sắc thì phải xông đốt cho có màu đen đỏ hoặc màu lông cổ chim công hay bồ câu. Lượng lớn nhất thì đựng được ba đấu, nhỏ nhất thì đựng nửa đấu, còn cỡ vừa thì suy mà biết. Lại dịch là Bạc (cũng) nghĩa là trị vật dày khiến mỏng mà làm đồ đựng này. Nam Sơn nói: Đây là cái đấu của Cơ Chu. Chuẩn theo đấu nhà Đường thì trên bát một đấu, dưới bát năm thăng. Năm phần nói: Phật tự làm Bát để làm mô thức cho đời sau. Khi thọ, theo Thập Tụng nói:

*Đại đức nhất tâm niệm,*

*Con Tỳ-kheo tên là...*

*Thọ Nhận Bát-đa-la*

*Ứng lượng để thường dùng (nói ba lần).*

Nếu bỏ chuẩn y thì luật nói: Tỳ-kheo trì bát gỗ, Phật nói không nên trì, vì bát này là pháp ngoại đạo.

- Kiện-tứ, Mẫu Luận giải thích là Xiển (cạn). Thiết Bát Kinh Âm Sớ nói: Bát nhỏ trong bát nay gọi là Huấn Tử. Thập Tụng Luật nói: Bát bán đại hơi lớn, kiện tư tiểu kiện tư. Tứ Phần Luật nói: Kiện tư vào Tiểu bát, Tiểu bát vào Thứ bát, Thứ bát vào Đại bát. Có khi gọi kiện-thứ hay

kiền-từ đều do tiếng Phạm âm nặng nhẹ.

- Cu-dạ-la, dịch là Tùy bát khí. Pháp Bảo giải rằng: Tức đũa muổng của bát...

- Phù-nang (phao nổi), Ngũ Phần Luật nói: Tứ nay cho phép các Tỳ-kheo có Phù-nang hoặc bằng da dê hay da trâu. Truyện nói: Người Tây Vực qua sông biển thường làm nhiều túi lông cánh chim hoặc mang cái bông đái của con trâu lớn. Khi thuyền biển chìm thì thổi hơi lên làm phao nổi.

### 61. SA MÔN PHỤC TƯỚNG.

Đại Luận nói: Thích Tử chịu cấm giới là tánh, cạo bỏ râu tóc nhuộm áo là tướng. Đạo Tông Sao nói: Oai nghi tức là tướng của Sa-môn, là cạo tóc nhuộm áo, thể là tánh của Sa-môn là vô biểu giới pháp. Tăng Kỳ nói: Ba y là tiêu biểu của Sa-môn Hiền thánh. Tứ Phần nói: Ba đời Như Lai đều đắp y như thế. Đại Phẩm nói: Mười hai hạnh đầu đà, y có hai thứ: Một là nạp y. Trí Luận giải thích rằng: Do nhân duyên áo đẹp mà bốn phương đeo đuổi phải rơi vào tà mạng. Nếu nhận áo đẹp của người thì sanh thân trước, còn các đàn việt chẳng thân trước thì nổi hận. Lại áo đẹp thì người chưa đắc đạo sanh ra tham đắm. Nhân duyên áo đẹp gây ra nhiều tặc nạn mà đến cướp mạng sống. Vì có nhiều tai nạn như thế, cho nên chịu pháp nạp y xấu; hai là chỉ có ba y, Trí Luận giải thích rằng: Người tu thiếu dục tri túc, y cốt che thân chẳng nhiều chẳng ít, cho nên chỉ nhận ba y. Kẻ bạch y cầu vui nên chứa nhiều quần áo. Hoặc có ngoại đạo khổ hạnh mà trần trướng không xấu hổ. Thế nên đệ tử Phật bỏ hai biên mà theo Trung đạo. Bắc Sơn nói: Kiêu Trần Như áo xấu năm tiền, Tu-bồ-đề phòng hoa trăm báu, đều là Thánh nhân cả. Hành Nhạc trọn đời một áo nạp, Huyền Cảnh khi nắng gắt cởi áo ra đều là cao tăng, khắc chẳng khắc là ở ta, được chẳng được không ở vật.

- Chấn-việt (Civara), Ứng Pháp sư nói: Dịch là Huyền phục phải là ngoạ cụ. Thích Danh nói: Áo trên gọi là y, y là nường, do đó để che lạnh nóng. Truyện nói: Y là chương của thân, áo trên gọi là y, áo dưới gọi là thường. Bạch Hổ Thông nói: Y là giấu, thường là che, do đó mà thân hình được che giấu. Niết-bàn nói: Như y thường (áo quần, y phục) ở đời che giấu thân thể.

- Ca-sa (Kasàya), gọi đủ là Ca-la-sa-duệ, dịch là bất chánh sắc, từ sắc mà được tên. Chương Phục Nghi nói: Nói ca-sa, nhân ở sắc áo, như trong kinh nói là hoại sắc y. Hội Chánh nói: Theo bản này là tên

cỏ có thể dùng nhuộm áo, nên đem tên cỏ kia mà đặt tên y này. Thập Tụng nói: Xem là phụ cụ (đồ che) có hình chiếu lên. Tứ Phần xem là tọa cụ, là đồng với loại khâm bị (cái mền). Tát-bà-đa nói: Ngoại cụ là tên của ba y. Đại Tịnh Pháp Môn Kinh nói: Ca-sa thì Tấn gọi là Khử uế. Đại Tập Kinh gọi là: Ly nhiễm phục (áo lìa nhiễm). Hiền ngu gọi là xuất thế phục (áo xuất thế). Chân Đế Tập Ký nói: Ca-sa là tên ba y của ngoại quốc, tên gồm nhiều nghĩa hoặc tội Ly trần phục vì đã đoạn dứt sáu trần, hoặc gọi Tiêu dũ phục, do đã cắt đứt phiền não, hoặc gọi Liên Hoa phục, phục là lìa đấm trước, hoặc gọi là Gián sắc phục, vì do sắc như pháp tạo thành. Nói ba sắc thì luật có ba thứ hoại sắc: là xanh, đen, mộc lan. Xanh tức là màu xanh đồng, đen tức màu bùn đen. Mộc lan tức là màu vỏ cây. Nghiệp Sở nói: Cho phép lấy dao cắt thành y Sa-môn, không bị oán tặc lột ra. Chương Phục Nghi nói: Điều chế chi tướng sự đẳng điền trừ như bờ ruộng trừ nước mà nuôi mầm lúa. Ví như mặc áo này thì sanh công đức vậy. Phật khiến hình tượng này có nghĩa rất hay. Ngũ Phần nói: Phần dưới y rách nhiều nên lật ngược lại mà đắp để đi ngoài mưa, nước chảy từ lá vào thì phải mặc xuôi. Chương Phục Nghi nói: Tỷ kiến điều diệp bất phu chánh nghi phải rằng ngựa chân chim mà may lại tức phải thuận phải trái mà điều khai minh khổng nếu không làm tức đồng với mạn y. Nam Sơn hỏi: Tỷ kiến Tăng Tây Vực đến phần nhiều đều may áo lá là sao. Đáp: Sau khi Phật diệt độ hai trăm năm thì ở Bắc Thiên Trúc Tăng cùng ngoại đạo đồng ở chung. Ngoại đạo ganh ghét bèn giấu dao bèn vào áo lá cùng đến chỗ vua ngoại đạo tố cáo trước vua rằng Sa-môn Thích Tử giấu dao trong áo muốn hại vua. Do đó kiểm tra, bèn khắp giết Tỳ-kheo cả nước. Lúc đó Gia-xá A-la-hán khiến các Tỳ-kheo quyền may hạp làm tuyệt mạng nạn. Đây là phương ấy gặp việc nên quyền chế không phải do Phật chế. Cho nên Nghi Tịnh nói: Ba y ở Tây Vực đều thứ hợp, chỉ có Đông Hạ mở mà không may. Theo luật may Đại y phải hạp trong năm ngày thì xong y bảy điều phải bốn ngày thì xong, năm điều phải hai ngày thì xong. Nếu số ngày không xong thì Ni phạm tội đọa còn Tỳ-kheo phạm tội Đột-kiết-la. Nghiệp Sở nói: Nếu có y mà chẳng thọ trì thì phạm Đột-kiết-la. Dưới hai y có cái lớn thì cho may thêm. Bi Hoa kinh nói: Phật ở trước Phật Bảo Tạng mà phát nguyện nguyện khi thành Phật thì áo Ca-sa có năm công đức: Một là vào trong pháp ta mà phạm trọng tội tà kiến v.v... mà trong một niệm kinh tâm tôn trọng thì ắt được thọ ký ở ba thừa; hai là Thiên Long người quỷ nếu hay kính trọng áo ca-sa này dù một phần nhỏ thì cũng được ba thừa bất thối; ba là nếu có quỷ thần các người mà được áo ca-sa cho đến

chỉ bốn tắc thì ăn uống no đủ; bốn là nếu chúng sanh cộng tướng trái nhau, mà nghĩ sức ca-sa thì liền sanh từ tâm; năm là nếu từ chỉ một phần nhỏ mà cung kính tôn trọng thì thường được thắng tha (hơn nó). Kinh Anh Lạc nói: Nếu trời rồng tám bộ đánh nhau nghĩ đến áo ca sa thì liền sanh tâm từ bi. Kinh Hải Long Vương nói: Long Vương bạch Phật rằng: Như trong biển này có vô số rồng, có bốn kim sí điều (chim cánh vàng) thường đến bắt ăn, nên nguyện Phật thường ủng hộ khiến được an ổn. Phật liền cõi kích y (có cánh) ra bảo Long vương rằng: Ông lấy y này phân đều khắp các rồng dầu chỉ một sợi thì kim xí điều cũng không xúc phạm được. Người trì cấm giới, chỗ nguyện được toại. Sư Huyền Dẫn Đại Tập: Vua hỏi các Tỳ-kheo nói không được bèn xấu hổ té xuống đất, áo Ca-sa biến thành màu trắng. Pháp Tạng Tận Kinh nói: Áo ca-sa của Sa-môn tự nhiên đổi màu trắng, Ứng Pháp sư gọi là Ca-sa. Cát Hồng Tự Uyển đầu tiên đổi Ca-sa thành Y.

- Tăng-già-lê, Tây Vực Ký gọi là Tăng-ca-chi, xưa lầm gọi là Tăng-già-lê, dịch là Hạp hay trùng (lớp), nghĩa là cắt ra nhiều miếng rồi may lại. Nghĩa Tịnh gọi Tăng-ca-chi, Đường gọi là trùng phục y. Linh Cảm Truyện nói: Mỗi khi Chuyển pháp luân thì mặc Tăng-già-lê. Nam Sơn nói: Tên ba y này các bộ không dịch, này chỉ dịch nghĩa: Đại y gọi là Tạp toải y vì có nhiều điều. Nếu từ dụng mà gọi tên thì tên là Nhập vương cung tụ lạc thời y (y mặc vào cung vua làng xóm) khi khát thực và nói pháp thì mặc vào. Luận Tát-bà-đa nói: Đại y phân làm ba bậc: Chín điều, mười một điều, mười ba điều hai dài một ngắn gọi là Hạ phẩm; mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều ba dài một ngắn gọi là Trung phẩm; hai mươi một điều, hai mươi ba điều, hai mươi lăm điều bốn dài một ngắn gọi là Thượng phẩm. Hội Chánh Ký hỏi do đó mà dài thêm ngắn bớt (thiếu). Nghiệp Sở nói: Pháp phục kính ruộng làm lợi các hữu tình biểu thị cho Thánh tăng mà phạm giảm bớt. Nghiệp Sở nói: Nay chuẩn theo Thập tụng, Gia Trì Ứng nói: Đại đức nhất tâm niệm con là Tỳ-kheo tên..... Tăng-già-lê này có..... điều, có..... dài,..... ngắn cắt thành điệp y để trì (ba lần). Hội Chánh Ký nói: Nếu thiếu đại y, hai y sau có lớn khai cho may thêm cái mới để thọ trì. Nên nói thêm rằng: Đại đức nhất tâm niệm con là Tỳ-kheo tên..... Y An Đà Hội này có hai mươi lăm điều có bốn dài hai ngắn cắt may thành y để thọ trì. Đại đức nhất tâm niệm, con Tỳ-kheo tên là..... Tăng-già-lê này là số ba y trước đã thọ trì, nay bỏ (nói một lần, hai y kia cũng thế).

- Uất-đa-la-tăng (Uttarāsuga) hoặc Úc-đa-la-tăng. Dịch là Thượng trước y tức y bảy điều. Nam Sơn nói: Y bảy điều gọi là Trung giá y. Từ

dụng mà nói là y mặc khi (nhận chúng thời y) vào chúng lễ tụng trai giảng. Khi thọ trì nên thêm pháp nói rằng: Nay thọ trì Uất-đa-la-tăng bảy điều này hai dài một ngắn cắt nay thành y.

- An-đà-hội (Amcarvàsaka) hoặc An-đát-la-bà-sa, dịch là Trung túc y tức là cận thân trụ (luôn mặc theo mình). Nam Sơn nói: Y năm điều gọi là hạ y, từ dụng mà nói là y mặc trong nội viện để làm việc. Khi thọ thì nói thêm rằng: Thọ trì y An-đà-hội năm điều này một dài một ngắn cắt may thành y để thọ trì. Kinh Bồ-tát nói: Y năm điều gọi là Trung túc y, y bảy điều gọi là Thượng túc y, Đại y gọi là Chúng tập thời y. Giới Đàn Kinh nói: Năm điều Hạ y đoạn thân tham, bảy điều trung y đoạn sân khẩu (miệng giận), Đại y thượng y đoạn tâm si. Hoa Nghiêm nói: Mặc Ca-sa thì lìa bỏ ba độc. Tứ Phần nói: Con ôm ấp kiết sử chẳng nên mặc áo Ca-sa.

- Bát-tra (Pataka), Đường gọi là Mạn điều tức là một mảnh liền nhau không có phân thành tướng bờ ruộng. Ba y đều thông mạn. Từ khi Phật pháp đến cõi này một trăm tám mươi bảy năm xuất gia chưa biết gián đoạn chỉ mặc áo này.

- Ni-sư-đàn (Nisidana) hoặc Ni-sư-đát-na, dịch là tọa cụ hoặc tùy tọa y. Nghiệp Sở nói: Phật bảo vì thân làm y làm ngoại cụ cho nên cho phép chứa giữ. Dài 4,5 ngắn 3,5 gang tay (90cm x 70cm). Thiệu Kiến nói: Ở nhiều nơi may lớn hơn. Thập Tụng nói: Mới thì may hai lớp, cũ thì bốn lớp. Thập Tụng nói: Chẳng nên nhận một cái, rời đêm thì phạm tội Đột-kiết-la. Giới Đàn Kinh nói: Ni Sư Đàn như tháp có nền, ông nay thọ giới rồi tức là nền của năm phần pháp thân, bởi vì năm phần do giới mà thành. Nếu không có tọa cụ để thân ông ngồi thì năm phần định tuệ không do đâu mà sanh. Thiên thần Hoàng Quỳnh nói: Khi Phật mới độ năm người và anh em ông Ca-diếp thì đều chế mặc áo ca-sa bày vai tả, còn tọa cụ ở phía dưới áo ca-sa... sau độ các chúng thì học trò đông dần, Tỳ-kheo trẻ hình dạng đẹp đẽ vấp thành khát thực phần nhiều bị các cô gái yêu. Do đó mà chế y giác ở tay tả, sau bị gió thổi nên cho dùng Ni Sư Đàn phủ lên vai. Sau có ngoại đạo là Đạt-ma-đa hỏi Tỳ-kheo rằng: Miếng vải trên vai dùng để làm gì? Đáp: Để lót ngồi v.v... Đạt-ma-đa nói: Y này rất là đáng quý có oai linh lớn, đâu nên lấy miếng vải ngồi mà phủ lên. Tỳ-kheo bạch Phật. Do đó Phật lại chế dùng y giác ở cánh tay tả, còn tọa cụ lại làm y dưới nhưng không được kéo dài góc nhọn thành vòi voi tai dê. Ma-đắc-lặc-già nói: Nếu rời đêm thì không cần bỏ (xả). Nghiệp sở nói: Khi thọ nên nói Đại đức nhất tâm niệm, con Tỳ-kheo tên là... nay thọ trì Ni Sư Đàn này làm đúng thước tắc (nói ba lần

như bỏ).

- Tăng-ki-chi (Saukaksikà) hoặc Tăng-kiếp-chi. Tây Vực nói: Đường gọi là Am dịch. Xưa gọi là Kiệt chi, gọi đúng Tăng-ca-chí, dịch là phủ dịch y (áo che nách) dùng để phủ vai tả, hươu khai tả hợp (mở vai hữu thì đắp vai tả). Trúc Đạo Tổ nói: thời Ngụy thỉnh Tăng ở trong cung mặc tình, người trong cung thấy tăng để bày vai cho là không tốt, bèn may áo này mà cúng tăng. Như đó nối với bên tả phủ trên kỳ chi. Nhân đó được tên tức là Thiên sam hữu biên (miếng phủ trên vai phía hữu?). Nay bỏ tên kỳ chi gọi chung là Lương tụ (hai tay áo). Nói Thiên Sam, nay có may thì cho làm thêm cái cổ áo (đeo lên cổ) để giữ nguyên hình thức cũ.

- Ni-phược-ta-na (Nivāsana) hoặc gọi Ni-phạt-tán-na. Tây Vực Ký nói: Đường gọi là quần. Xưa gọi Niết-bàn tăng là sai. Không có lai áo gấp áo làm nếp lấy dây buộc lại gấp các bộ đều khác nhau, có sắc vàng đỏ chẳng đồng. Thích danh nói: Quần là quần (bầy) tức liên tiếp nhiều bức (tấm).

- Xá-lặc (Sànaka), Ứng Pháp sư giải thích gọi là nội y (áo lót). Bán là nói Xá-lặc tương ngấn giống như cái quần ngấn. Tiểu y luận tuy chẳng chú ý đến hình tướng, nhưng có thể xếp loại thuộc bán nê hoàn.

- Ca-hy-na (Cathina), Minh Liễu Luận nói: Chỉ gọi Ca-đề, dịch là công đức, vì ngôi các Ha nên có công, có năm lợi nên gọi đức. Tây Vực Ký nói: vì ca-đề dịch là ngang tịnh, vì ngang tịnh trực tháng này. Luật sao Dẫn Minh Liễu Luận nói: Dịch là kiên thật năng cảm thật năng cảm đa y, y vô bại hoại. Lại gọi là nan hoạt. Vì người nghèo lấy sự sống làm khó, bỏ ít tiền vào y này, thì công đức còn hơn dùng y lớn như núi Tu-di mà cúng thí. Hoặc gọi là kiên cố (bền chắc) hoặc gọi ấm phủ. Xưa gọi là thưởng thiện phật ác y thưởng cho người trước an cư. Người an cư rồi không được nhận. Cũng gọi là công đức y. Vì Tăng chúng đồng nhận y này được công đức năm lợi. Trong luật nói thọ y này là nuôi lớn tiền của lìa này ban đêm trái thì thỉnh ăn biệt chúng, trước ăn và sau ăn đến nhà người khác. Tứ Phần nói: An cư rồi phải thọ y công đức, thì người trước an cư ngày 16 tháng 7 thọ đến ngày 15 tháng 12 thì bỏ (xả). Tứ Phần nói: Nếu được y mới hoặc đàn việt thí cho y hoặc y phẩn tảo, vật mới thì xếp giữ sạch nếu vật đã giặt rồi thì giặt xong giữ làm sạch, tức ngày đến mà chẳng qua đêm thì không do tà mạng mà được ứng pháp. Bốn phía phải may biên lớn, năm điều chia làm mười biên dụng sắc ca-sa khi thô khi xả phải đánh chuông mời tăng Yết-ma (Trích đủ trong Tự Tứ Thiên).

- Kiều-xa-gia (Kauseyaka), Ứng Pháp sư dịch là Trùng y tức là bông tơ tầm hoang mà dệt thành y. Sự Sao nói: Tức hắc mao ngọa cụ. Ninh Âm Nghĩa nói: Phạm gọi là Cao-thế-gia, giải thích là bông tầm hoang. Đông Thiên Trúc có nước tên là Ô-đà, cây lúa tẻ sấp chín lá biến thành sâu, sâu thì ăn gạo, người ta bắt nấu để lấy bông. Như tơ bông đây thì gọi là Ma-ha-bạt-đa, dịch là Đại y. Y rất quý tức y có giá trị lớn. Cảm Thông Truyện nói: Thấy các Phạm tăng từ Tây Trúc đến đều mặc Bồ điệp cụ (y vải dầy). Vấn Đáp nói: Nước năm Thiên Trúc không mặc áo tơ tầm. Do đây mà nghĩ làm chương Phục nghi này.

- Khuất-thân (Kàrpasa?), dịch là Đại tế bố, chọn cây bông hoa tâm mà dệt thành, sắc nó xanh đen, tức là y ca-sa của Đạt-ma truyền cho.

- Đàm(viêm)-bà (Campa), dịch là mộc miên.

- Kiếp-ba-dục (Karpasa) hoặc gọi Kiếp-bội tức mộc miên, chính gọi là Ca-ba-la là tên cây này có thể làm vải là tên áo bông của Cao Xương quốc, phía Nam nước Kế Tân lớn thành cây ở đây hình nhỏ giống như cây thổ quì có lớp vỏ nở ra bông như liễu như (cây gòn?) có thể dệt làm vải.

- Ca-lân-đà (Kacilimdika) là Tế miên y.

- Đâu-la-miên (Tula-Salmala), Đâu-la dịch là tế hương, Uyển Âm Nghĩa dịch là Bãng hoặc gọi Đâu-sa dịch là sương. Đây đều từ sắc làm tên, hoặc gọi Đố-la-miên là tên cây Đố-la, bông (miên) do cây sanh nhân đó mà đặt tên như Liễu như vậy, cũng dịch là Dương Hoa, hoặc gọi là Đâu-la-nhĩ, mao là lông tơ mềm. Huân Văn nói: Nghĩa là tay Phật mềm mại như tơ lụa trơn giống như bông.

- Cù-tu-la (Citra), dịch là Đồ tượng. Từ hình cái y mà lập tên, nếu mặc Cù-tu-la thì chẳng mặc Tăng-ca-chí.

- Ni-vệ, dịch là Lý y (áo trong - trong áo?)

- Khâm-bạt-la (Kavari) tức là lông.

- Đâu-cưu-la, dịch là Tế bố (vải mềm mịn).

- Sô-ma (Ksauma), dịch là ma y (áo gai). Tây Vực Ký nói là loại áo gai. Gai nhỏ như cây kinh giới, lá màu. Tây Vực Ký nói: Gai ít dùng nhiều cỏ, lông dê.

- Khâm-bát-la (Kambala), Tây Vực Ký nói: Lông dê dệt nhuyễn mịn.

- Yết-lại-ly (Harali), Tây Vực Ký nói: Dệt lông tơ thú hoang mềm mịn có thể chứa giữ, vì thấy quý mà thường mặc.

- Đâu-na-ba-tra, dịch là lụa.



- Cu-tô-ma (Kusuma), dịch là hoa.

- Ma-la (Màlà), dịch là man (tóc mượt). Uyển Sư nói: Tất cả hoa gọi chung là Cu-tô-ma. Riêng có hoa riêng gọi là Cu-tô-ma thì đây dịch là duyệt ý. Hoa ấy lớn nhỏ như đồng xu sắc rất tươi trắng có nhiều lá nhỏ tròn cùng hợp thành. Ứng Pháp sư nói: Tây Vực có thọt kết chải tóc, cách kết chải rất quen thuộc, nam nữ sang hèn đều làm việc này hoặc đầu hoặc thân để làm đẹp. Chánh Pháp Niệm Xứ nói: Sinh lên trời thì vành hoa ở trên trán.

## 62. TRAI PHÁP BỐN THỰC.

Phật Địa Luận nói: Nhậm trì gọi là thực (ăn). Nghĩa là hay nhậm trì sắc thân khiến nó không hư hoại, nuôi lớn thiện pháp, thân nhờ ăn mà trụ, mạng nhờ ăn mà còn, chảy vào năm tạng thấp khắp bốn chi, bổ ích khí cơ, thân tâm đều vui thích. Lăng Nghiêm nói: Như thế thế giới mười hai loài không thể tự toàn phải nương vào bốn thực mà sống còn (trụ). Do đó gọi là Đoàn thực, Xúc thực, Tư thực, Thức thực. Thế nên Phật nói: Tất cả chúng sanh đều nương vào ăn mà sống còn (trụ). Huệ Lý giải thích rằng: Nói đoàn thực, Đoàn nghĩa là hình đoàn (viên, cục, miếng). Lấy hương, vị, xúc ba trần làm thể, vào bụng biến hoại (nát ra) giúp ích các căn. Cho nên nói Đoàn thực. Nói Xúc thực, Xúc nghĩa là chám đối nhau, lấy sáu thức tương ứng đối nhau với tiền cảnh mà sanh vui mừng, nên gọi là Xúc thực. Nói Tư thực, tư tức là ý nghĩ, là lấy sáu thức tương ứng với tư và ý cảnh mà sanh hy vọng (trông mong). Nói Thức thực, Thức tức là tướng chấp trì của thức thứ tám do ba thứ ăn trước có thể mạnh giúp sức khiến thức này tăng mạnh có thể chấp trì các căn đại chủng. Nếu ước ba cõi mà luận thì Đoàn thực chỉ ở Dục giới, vì ở Sắc, Vô sắc không có hai trần hương vị. Còn 3 thứ ăn kia thì chung cho cả ba cõi. Đây là nói chung về bốn thực (bốn thứ ăn).

- Tăng-bạt (Sampràgata), tức xướng pháp của Đẳng cúng. Ký Qui Truyện gọi là Tam-bát-la-khư-đa. Xưa gọi sai là Tăng-bạt. Phạm Ma Mạn Quốc Vương Kinh nói: Phạm người muốn thí thực cần phải bình đẳng chẳng luận lớn nhỏ. Do đó Phật khiến A-na khi ăn phải xướng đọc Tăng-bạt. Tăng-bạt là chúng tăng khi ăn cơm đều bình đẳng. Cho nên Trang Nghiêm Luận nói: Thi-lợi-cúc-đa Trưởng giả nhận lời dặn dò của ngoại đạo nên lấy chất độc trộn vào thức ăn mà thỉnh Phật và chúng tăng. Phật biết trước khiến A-nan đọc Tăng-bạt. Đọc xong mới ăn. Đọc xong thì chất độc tan mất. Sự Sao nói: Huống Tăng ăn khắp đồng mười phương, họ tự lấy phần mình lý đáng tùy hỷ mà tình người hẹp hòi kiêng

ky dùng tâm không bình đẳng. Hoặc có kẻ đóng cửa hạn chế khách tăng chẳng là đại dột lắm ư? Đánh chuông (chuông kêu) bốn ý đâu như thế. Xuất gia đã bỏ mê đắm rất không nên như thế. Chỉ sợ nguy hiểm cho thân mà không thể hộ trì chánh pháp. Mạng phù du giả dối chẳng chịu xa thông tăng ăn trái lời Phật dạy tổn phước đàn việt, thương hại tình chúng nhất thời lấp hết đường tăng mười phương. Truyền nhầm sau sanh bại xa, sửa mê trước mà trở lại đường xưa, chẳng tốt lắm sao? Có người hỏi việc Tăng có hạn, khách ngoài thì vô cùng, đem cái ăn có hạn mà cúng Tăng vô cùng thì việc chẳng thể vững được. Đáp rằng: Đây là độ lượng cạn cợt thô bỉ, chỗ hoài bảo vụn vặt ngăn ngừa, há có thể gọi là Thanh trí biết sâu kẻ đạt sĩ thấy xa! Phạm tứ sự cúng dường là phước điền Tam bảo cũng như trời đất sinh trưởng nói biển thọ dụng đâu có khi nào hết! Cho nên Phật Tạng Kinh nói: Phải một lòng hành đạo tùy thuận pháp hạn chớ nghĩ việc ăn uống là cần thiết. Một phần trong tướng Bạch hào của Như Lai cúng cho tất cả đệ tử xuất gia cũng chẳng thể hết. Do đây mà nói thì siêng tu giới hạnh, chí thành hộ pháp, do đạo được lợi vì đạo mà thông dụng (dùng chung) chùa chùa mở cửa, chốn chốn cùng ăn, ắt phải cúng thí đầy đủ, phán là không thiếu hụt, phạm thi thọ thực (ăn cơm) phải làm năm quán: Một là kể công nhiều ít lương vật người đem đến, hai là đức hạnh mình toàn hay khuyết nhiều ít, ba là phòng tâm ngăn lỗi chẳng phạm ba độc, bốn là xem ăn như vị thuốc hay để trị mình gây, năm là vì thành đạo nghiệp, báo đời không phải là ý mình mong. Sự Sao nói: Ăn không quá ba muống; Muống một: đọc đoạn tất cả ác; muống hai: đọc tu tất cả thiện; muống ba: đọc độ tất cả chúng sanh. Tăng Nhất nói: Ăn nhiều thì gây khổ hoạn. Ăn ít thì khí lực yếu, ăn vừa chừng thì bèo không cao thấp.

- Bộ-sa-tha (Posadha), dịch là ngày trai. Thỉnh Quán Âm Kinh Sở nói: Trai là tề (ngang, đều) tức ngang nhau về thân khẩu nghiệp, ngang tức chỉ là Trung đạo. Sau (sau giờ Ngọ) chẳng được ăn, là biểu thị Trung đạo Phật giáo, ngoài ra chẳng có một pháp khác. Trước trung được ăn mà không phải chánh trung. Đây là biểu thị phương tiện trước chỉ giống Trung đạo, được nghĩa có chứng nên được ăn. Cũng là biểu thị ngoài Trung đạo pháp giới còn có pháp. Xiển Nghĩa Dẫn Tế Thống nói: Trai nói là tề (ngang đều...?) Tề và bất tề đều gây nên trai. Cho nên quân tử không có Đại sự không có cung kính thì chẳng trai. Chẳng trai thì ở vật không phòng mà ham muốn không ngừng. Kịp khi có trai thì phòng tà vật, dứt ham muốn, tai không nghe nhạc. Nay họ Thích lấy ăn không quá giờ Ngọ làm trai thì cũng là phòng tà dứt ham muốn là nghĩa tề bất

tề vậy (làm ngang bằng các thứ chẳng ngang bằng). Kinh Tỳ-la Tam-muội nói: Vua Bình Sa hỏi Phật vì sao Phật ăn giữa trưa? Đáp: Sáng sớm là chư thiên ăn, giữa trưa là ba đời Phật ăn, chiều là súc sanh ăn. Nay ước Lý mà giải cho nên nói trai chỉ là Trung đạo. Sau Trung chẳng được ăn là tức là Phật chế sau trưa (ngọ) chẳng được ăn vậy. Nay biểu thị Sơ trụ, Sơ địa viên chứng Trung đạo, ngoài tâm không pháp, như sau trưa không ăn. Trước Trung (Ngọ) được ăn. Là Phật chế trước Trung không phải là chánh thực (bữa ăn chánh) nhưng đều được ăn. Tỳ-bà-sa Luận nói: Phàm trai là quá Trung (trưa) không được ăn bàn thể, lấy tám sự giúp thành trai thể, cùng với trì danh (niệm Phật?) và tám chi trai pháp (bát quan trai?). Báo Ân Kinh nói: Nếu không trọn đời giữ giới thì không gọi là Ưu-bà-tắc chỉ gọi là người trung gian. Trí Luận hỏi: Sao phải sáu ngày trai thọ tám giới tu phước đức? Đáp vì các ngày ấy ác quỷ đui mắt người muốn cướp lấy mạng sống, bịnh tật hung suy khiến người không tốt. Thế nên kiếp xưa Thánh nhân dạy người trì trai tu thiện làm phước để tránh hung suy. Lúc đó trai pháp chẳng thọ tám giới, trong suốt một ngày chẳng ăn làm trai. Sau Phật ra đời khuyên dạy một ngày một đêm như chư Phật trì tám giới chẳng ăn quá Trung (ngọ), thì công đức ấy đem người đến Niết-bàn. Như trong kinh Tứ Thiên Vương Phật nói: Một tháng có sáu ngày trai. Sứ giả, Thái tử và bốn Thiên Vương xuống Trần xem xét chúng sanh, ai bố thí trì giới hiếu thuận cha mẹ thiếu sót thì lên trời Đao-lợi tâu bày, Đế-thích các trời tâm đều chẳng vui bảo rằng: Chúng A-tu-la càng nhiều, chúng các trời giảm ít. Nếu bố thí trì giới hiếu thuận cha mẹ nhiều thì các trời Đế-thích tâm đều vui mừng bảo rằng: Tăng nhiều các trời mà giảm ít giống A-tu-la. Lại Kinh Đề-vi nói có tám ngày vua. Những gì là tám ngày vua: Tức là lập xuân, xuân phân, lập hạ, hạ chí, lập thu, thu phân, lập đông, đông chí. Đó là tám ngày vua. Trời đất các thần âm dương thay nhau nên gọi là tám ngày vua.

- Ô-bồ-sa-tha (Upavasatha), dịch là thọ trai, lại gọi là tăng trưởng, nghĩa là thọ pháp trì trai, thêm lớn thiện căn Nam Tề Trần Ước Tự Hưu Văn Tuyển Luận rằng: Sở dĩ người chẳng được đạo do vì tâm thần hôn hoặc. Sở dĩ tâm thần hôn hoặc là do ngoại vật quấy rối. Quấy rối lớn thì có ba việc: Một là vinh danh thế giới, hai là yêu gian mỹ mãn, ba là cam chỉ phì nông vinh danh (ngon ngọt nông béo) tuy nhật dụng ở tâm, thì cần phải không có lụy cửu khắc. Yêu gian mỹ mãn mới đã sâu thì cam chỉ phì nông bị lụy càng cần thiết vạn sự v.v... đều là nhánh lá của phần thứ ba. Thánh nhân biết chẳng thể đoạn dứt ba việc này cho nên

cầu đạo không do đâu mà được. Chẳng vì lập háp mà khiến dễ theo, nếu nói thẳng ba việc là gốc mê hoặc đều phải cấm hẳn. Mà ba việc này là tình người rất bị mê hoặc nghĩ lụy ắt khó tránh, tuy có ý cấm chỉ nhưng việc rất khó theo. Ví như đem thuyền cứu người há chẳng muốn đến thẳng bờ kia nhưng nước sông chảy siết, gặp lý không cứu ngay thì chẳng được chẳng theo dòng tà mị lâu mà đến được, không cần cầu mau vì việc có khó khăn. Cấm ba thứ này phải có đầu mối, sao cần dứt nhanh việc ăn uống ở người, đối với chỗ lụy của tình tánh chớ nhiều, lấy ăn chiều để vào ăn sáng và ăn trưa, buổi ăn chiều nên thanh hư vô sự, nhân vô sự này mà niệm lự được hết mới đầu chưa chuyện nhưng lâu dần sẽ quen. Do đó mà tám chi cấm giới buộc ràng, cái muốn my man không do đâu mà được trước. Vinh danh các lụy, dần dần theo việc má khiến. Cho nên nói: Chư Phật từ xưa không ăn quá ngộ. Bởi là nôm bầy để khiến lụy, là đường tắt đến với đạo, mà người mê lầm bảo cấm chẳng cho ăn, đây là mê phướng hưởng mà chẳng biết đường đi. Nơi nơi khi Phật đều nói không ăn quá ngộ có năm phước: Một là ít âm, hai là ít ngũ, ba là được nhất tâm, bốn là không có hạ phong, năm là thân được an ổn, cũng chẳng gây bệnh. Tứ Phần Giới nói: Nếu Tỳ-kheo ăn phi thời thì Phạm-ba-dật-đề.

- Bộ-xà-ni (Bhojaniya), Tứ Phần Luật nói: Có năm thứ Bồ-xà-ni, dịch là chánh thực tức là miến (miểu) phạn càn phạn Ngự nhục. Tăng Kỳ nói: Thời thực tức là ăn đúng giờ, phi thời thực là sai giờ không được ăn. Đa luận nói: Từ sáng đến trưa là ánh sáng càng mạnh nên gọi là thời, sau trưa (sau Ngọ) ánh sáng yếu dần gọi là phi thời. Nay nói trung thực là mặt trời đúng Ngọ thì được ăn. Tăng Kỳ nói: Nếu giờ ngộ qua một nháy mắt, một sợi tóc thì là phi thời. Vua Tống Văn Đế đãi cơm Tăng thì đồng chúng ngồi chung chiếu. Dọn cơm trễ, chúng nghi sắp xế chiều nên không ăn. Vua nói mới bắt đầu giờ Ngọ (Trung) thôi. Sanh Công nói: Mặt trời sáng trên cao, trời nói mới Trung (Ngọ) sao được không phải Trung. Bèn cầm bát mà ăn. Cả chúng liền theo. Vua rất vui.

- Khư-xà-ni (Khàdaniya), Tứ Phần nói: Có năm thức Khư-xà-ni, dịch là Bất chánh thực. Tức là canh lá hoa quả mạt vụn mại ăn.

- Bán-giả-bồ-thiện-ni (Pamcabhojaniya), Ký Qui Truyện nói: Đường nói có năm thứ ăn, tức là cơm, canh, miến v.v...

- Bán-giả-kha-đản-ni (Pamcakhàdaniya) dịch là Tước thực tức là rễ thân lá hoa quả. Ký Qui Truyện nói: Nếu đã ăn năm thứ trước ắt chẳng ăn năm thứ sau. Nếu trước đã ăn năm cái sau thì ắt năm cái trước

ăn tùy ý. Nay Tăng sau trai chẳng ăn rau quả.

- Khử-đà-ni (Khàdanīya) hoặc Khiên-trà, dịch là khả thực vật (vật ăn được)

- Bát-hòa-la (Pravarana)-pavarana?), Ứng Pháp sư căn cứ vào kinh Tự Thệ gọi là Bát-hòa-lan, cũng là tiếng Phạm đọc nặng nhẹ mà thôi. Dịch là Tự tứ thực. Ứng Pháp sư nói là Tọa lạp lạp bình. Tức là bánh hết hạ hiến Phật, gọi là Phật lạp thực. Lại phương Tây lấy ngày Phật từ trời giáng xuống cung trời mà cúng dường Phật ăn gọi là Phật lạp thực. Hội Chánh Ký nói: Tức đái Phật Tỳ-kheo ăn ngày Tự tứ.

- Phân-vệ (Paimdapàtika pimdapàta), Luân Thiện Kiến nói là Tỳ-kheo khát thực. Tăng Kỳ Luật nói: Khất thực là phân thí tăng ni vệ hộ khiến tu Đạo nghiệp, nên nói là phân vệ. Ấy là luận từ tiếng Phạm, luật từ tiếng Hoa, hai thuyết chưa rõ ràng. Ứng Pháp sư nói: Chánh là Tân-trà-ba-đa, đây dịch là Đoàn Đọa, là nói ăn cái gì rơi trong bát. Hoặc gọi là Tân-trà-dạ, dịch là Đoàn, Đoàn là thực đoàn, tức là đi khát thực vậy. Thập Nhị đầu Đà nói thường khát thực. Đại Luận giải thích có ba thức ăn: Một là thọ thỉnh thực (được mời ăn), hai là chúng tăng thực, ba là thường khát thực. Hai thức ăn trước là khởi nhân duyên các lậu. Vì sao thế? Vì thọ thỉnh thực nếu được thỉnh thì nghĩ rằng ta là người phúc đức tốt cho nên được. Nếu không được thỉnh thì ghen hờn người thỉnh, thỉnh người đáng thỉnh. Hoặc tự bỉ bạc, áo mao tự tình mà sanh buồn khổ. Ấy là pháp tham ái hay chướng ngại đạo. Chúng tăng thực, là vào chúng phải tùy chúng pháp đoạn sự khoa lý, tăng sự xử phần sai làm việc, tâm thì tán loạn phòng bỏ hành đạo, có như thế các việc loạn cho nên phải thọ pháp thường khát thực. Phụ Hành nói: Các văn luật luật nói: Pháp khát thực không phải một chỗ mà đủ, vì phước cho người khác nên khiến phải đến bảy nhà. Triệu Pháp sư nói: Khất thực có bốn ý: Một là làm phước lợi cho quần sanh, hai là để bề gãy kiêu mạn, ba là vì biết thân có khổ, bốn là trừ bỏ chỗ trệ trước. Bảo Vũ Kinh nói: Khất thực thành tựu mười pháp: Một là nhiếp thọ các hữu tình, hai là làm thứ lớp, ba là làm không mỗi một (biếng lười), bốn là biết tri túc, năm là vì phân bố, sáu là khiến không đam mê (mê đắm), bảy là khiến biết lượng, tám là thiện phẩm hiện tiền, chín là thiện căn viên mãn, mười là lia ngã chấp. Bảo Vân Kinh nói: Khất thực chia bốn phần, một phần đáng bậc đồng phạm hạnh, một phần cho người ăn xin, một phần cho các quỷ thần, một phần tự ăn. Phụ Hành nói: Xưa có Trưởng giả tên là Cưu-lưu chẳng tin nhân quả, cùng năm trăm người cùng đi xa thấy đám cây tưởng là có nhà người, đến đó chỉ thấy thân cây đánh lễ xong nói mình đói khát.

Thần liên chỉ năm ngón tay thì liên có nhiều thức ăn hiện ra ngon ngọt khó tả. Ăn xong khóc lớn. Thần hỏi nguyên do thì đáp con có năm trăm bạn cũng rất đói khát. Thần liền gọi lại rồi cho ăn như trước, mọi người đều no. Trưởng giả hỏi: Do phước nào mà được thế. Đáp rằng: ta vốn ở thời Phật Ca-diếp rất nghèo, ở ngoài cửa thành mài gương, mỗi khi có Sa-môn khát thực thì ta thường lấy mấy ngón tay chỉ chỗ khát thực và tình xá Phật như thế rất nhiều lần, nên chết rồi mà sanh đây. Trưởng giả đại ngộ, ngày đãi cơm tám ngàn Tăng. Nước vo gạo chảy ra ngoài thành có thể đi thuyền được.

- Đát-bát-na (Tamana), dịch là Miếu, Thông Tuệ Chỉ Qui nói: Nghĩa là đem gạo dâm nát mà hong khô. Mẫu Luận nói có hai thứ tán miếu lại bỏ đường mật mà để dành. Hoặc nói Bị cùng miếu chẳng đồng. Hậu Đường nói: Bị là cơm nấu khô cứng (cơm cháy?). Phụ Thiên nói: Lấy cơm khô giả nhỏ rây kỹ mà làm bị. Mạnh Tử nói: Thuần ăn cơm khô với rau khừu là cơm khô nát.

- Ca-sư (Krsara), Hậu Đường nói: Đường gọi là Thác mạch, Từ Hòa nói: Người Bắc gọi là Yên mạch, người Nam gọi là Tước mạch. Nam tuyền sao nói: Đem Thác mạch làm đại mạch. Thập Tụng chỉ Ca Sư là cơm tiểu mạch. Sự sao nói: Thác mạch cùng Ca sư là một vật.

- Tu-đà (Sveta), dịch là Trắng, hoặc gọi Tu-đà là trời ăn.

Thiên Thai Thiền sư quán pháp tâm thực đã trải tòa ngồi xong thì nghe Duy-na dâng lên tiếng khánh sau vòng tay cúng dường Nhất thể Tam bảo khắp mười phương làm các Phật sự. Kế xuất cơm cúng thí sáu đạo tức biểu thị cho sáu Ba-la-mật. Rồi sau mới ăn cơm, phàm ăn là ngoài mạng sống chúng sanh. Nếu chẳng vào quán tức là thãm đờm sanh tử. Nếu hay biết nhập quán phân biệt sanh tử hữu biên vô biên, bất luận phân vệ (khát thực) cùng thanh chúng tịnh thực (ăn chung với chúng thanh tịnh) thì đều phải làm quán. Quán là tự sợ thân này các thứ ăn xưa từ lâu đều là vô minh phiền não, thãm nhuần sanh tử. Nay chỗ ăn uống đều là Bát-nhã, tưởng thức ăn xưa từ lỗ chân lông thứ lớp thoát ra. Thức ăn xưa đã ra rồi thì tâm lộ liền mở. Nay ăn thức mới chiếu xét các tối tẩm diệt hết mà thành Bát-nhã. Cho nên Tịnh Danh nói: Ở ăn bình đẳng thì ở pháp cũng bình đẳng, ấy là minh chứng. Vì thức ăn này thành thức ăn Bát-nhã hay nuôi dưỡng pháp thân. Nên pháp thân được lập thì liền được giải thoát, ấy là ba đức. Chiếu xét thức ăn này không mới không cũ, do có ăn xưa nên cũ, do có mới ăn nên mới, ấy gọi là giả. Tìm cũ chẳng được cầu mới chẳng được rốt ráo là không tịch (trống vắng) nên gọi là không. Quán thức ăn này từ ai có thể ăn là mới, đã

không có thức ăn mới thì ai (sao) có thể được ăn, mà chẳng lia thức ăn cũ nuôi thân mà thức ăn mới càng lợi ích (càng nhiều), nhân duyên hòa hợp chẳng thể phân biệt trước sau thì gọi là Trung. Chỉ Trung tức là giả. Không, chỉ không tức là Trung giả, chỉ giả tức là không trung chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là Trung đạo. Lại Tịnh Danh nói: Không có phiền não, không lia phiền não, không nhập định ý, không khởi định ý thì gọi là thực pháp.

### 63. THIÊN TỤ DANH BÁO.

Tăng Kỳ nói năm thiên: Một là Ba-la-di, hai là Tăng tàng, ba là Ba-dật-đề, bốn là ĐỀ-xá-ni, năm là Đột-kiết-la. Tứ phần nói có sáu tụ, là mở cái thứ ba thêm Thâu-lan-giá. Hoặc nói bảy tụ là mở thêm cái thứ bảy là ác thuyết. Nay y theo Sự Sao mà giải thích sáu tụ, không có dịch chánh chỉ dùng dịch nghĩa.

1) Ba-la-di (Pàràjikà), Tăng Kỳ nói: Nghĩa là cực ác, có ba ý dịch: Một là thối một (lui mất), do phạm giới này mà đạo quả không có phần; hai là chẳng cùng ở chung, không phải chỉ mất đạo mà thôi, không được nói giới yết-ma hai loại tăng này ở chung với nhau; ba là đọa lạc bỏ thân này rồi lại đọa vào địa ngục A-tỳ. Tứ Phần Luật nói: Thí như chặt đầu người không thể mọc lại. Nếu phạm giới này thì không còn là Tỳ-kheo nữa. Nên kệ nói:

*Những ai làm tội ác,  
Cũng như cái cây chết,  
Chúng chẳng thể giữ lại.  
Vậy phải nên giữ giới.*

Từ xưa theo phép chung là Tuyệt phần thì dịch là khí (bỏ). Mục Liên Vấn Tội Báo Kinh nói: Phạm tội Ba-la-di như trời Tha Hóa Tự Tại tuổi thọ sáu chục ngàn (60.000) năm là thời gian người này trải đọa trong Nê-lê, lấy theo số nhân gian thì người này ở trong địa ngục là chín trăm hai mươi một ức, sáu chục ngàn (60.000) năm phải đọa xuống Viêm Nhiệt địa ngục. Trời Tha Hóa một ngày đêm bằng nhân gian một ngàn sáu trăm (1.600) năm.

2) Tăng-già Bà-thi-sa (Samghà vasesa), Thiện Kiến nói: Tăng-già là Tăng, Bà là mới, nghĩa là Tăng trước che giấu yết-ma. Thi-sa là tàn, tức là cuối cùng phải nêu tội ra với Yết-ma. Nếu phạm tội này Tăng phải làm phép trừ bỏ. Nên từ cảnh làm tên. Tỳ-ni Mẫu nói: Tăng tàn là như người bị người khác chém chặt, hư hết cổ họng nên gọi là tàn, lý phải sớm cứu, tội Tăng-già Bà-thi-sa. Như trời Bất Kiêu có tuổi thọ là

tám ngàn (8.000) tính ra nhân gian là hai trăm ba mươi ức mười ngàn (10.000) năm, là số thời gian người này phải đọa địa ngục Đại Đại Kiếu. Tính ra trời này một ngày đêm thì bằng nhân gian tám trăm năm.

- Ma-na-đỏa (Manoratha), Luận nói: Tần gọi là ý hỷ trước tuy tự ý vui mừng cũng có hồ thẹn, cũng khiến chúng tăng vui mừng.

- A-phù-ha-na (Àvahana), Thiện Kiến dịch là “gọi vào chúng yết-ma”, hoặc gọi bạt trừ tội căn (nhổ trừ gốc tội). Mẫu Luận nói: Thanh tịnh giới sanh được tịnh giải thoát.

3) Thâu-lan-giá (Sthùlàtyaya), Thiện Kiến nói: Thâu-lan gọi là Đại-giá, là nói chướng Thiện Đạo sau đọa ác đạo, thì nó là bỉ uế, từ thể bất thiện mà lập tên. Do hay thành hai thứ tội một và hai. Minh Liễu Luận nói: Thâu-lan là thô, giá tức là lỗi. Thô có hai thứ: Một là trọng tội phượng tiện, hai là hay đoạn dứt thiện căn. Nói lỗi là y chỗ Phật lập giới mà làm nên gọi là lỗi. Tội Thâu-lan-giá như trời Đâu-suất-đà có tuổi thọ là bốn ngàn tuổi, tính ra ở nhân gian là năm mươi ức sáu chục ngàn (60.000) năm, là thời gian người này (phạm Thâu-lan-giá) phải đọa địa ngục Hiếu Kiếu. Trời này một ngày đêm ở nhân gian bằng bốn trăm năm.

4) Ba-dật-đề (Pàpattikà), dịch nghĩa là đọa. Thập Tụng nói: Đọa ở địa ngục đốt nấu che chướng (ngăn), tám ngục nóng cùng nấu đốt, tám ngục lạnh đen tối cùng che chướng (ngăn). Tội Ba-dật-đề như tuổi thọ của trời Dạ-ma là hai ngàn tuổi ở nhân gian tính ra là hai mươi một ức bốn mươi ngàn năm (40.000) là thời gian người này phải đọa địa ngục chúng hợp. Trời này một ngày một đêm là ở nhân gian bằng hai trăm năm.

- Ni-tát-kỳ (Naisargika), trích trong Yếu Luật Nghi, xưa dịch là Xả đọa. Thỉnh Luận Ni dịch là Tận. Tát-kỳ là xả. Tứ Phần tạng có một trăm hai mươi thứ phân lấy ba mươi nhân tiền bạc mà phạm tham mạn tâm, cưỡng ép bỏ đi để vào tăng nên gọi là Ni-tát-kỳ.

5) Ba-la-đề Đê-xá-ni (Pratidezaniya), dịch nghĩa là hướng bỉ hối (hướng vào người ấy (lỗi ấy) mà hối lỗi), từ cảnh đối trị mà lập tên. Tăng Kỳ nói: Tội này phải phát lồ. Tội Đê-xá-ni như tuổi thọ của trời ba mươi ba là một ngàn tuổi so với nhân gian bằng ba ức sáu chục ngàn (60.000) năm là thời gian người phạm tội này phải đọa địa ngục Hắc thẳng. Trời này một ngày đêm bằng nhân gian một trăm năm.

6) Đột-kiết-la (Duskṛta), Đột là ác, kiết-la là tác (ác tác). Thỉnh Luận nói: Chánh gọi là Đột-tất-kiết-lật-đa. Tứ Phần Luật Bốn nói: Thức-xoa-ca-la-ni dịch nghĩa là Ứng đương học. Nước Hồ gọi sai là



Thi-xoa-kế-lại-ni. Tăng Hồ dịch là thủ giới. Tội này nhỏ nhất giữ rất khó, cho nên tùy học tùy giữ để lập tên. Thập Tụng nói: Thiên Nhân thấy Tỳ-kheo phạm tội chạy nhanh dưới mưa, há không phải là chuyên tâm chơi giỡn, nên gọi là Thủ giới. Trong bảy tụ thì phân bộ này làm hai tụ. Thân gọi là ác tác, miệng gọi là ác thuyết. Nhiều Luận hỏi: Sao đây riêng gọi là Ứng đương học? Đáp: các giới khác để giữ tội nặng, giới này khó giữ dễ phạm phải luôn nghĩ học cho nên không nêu tội danh. Chỉ nói Ứng đương học (đáng phải học). Phạm Đột-kiết-la các học giới, tội như tuổi thọ của trời Tứ Thiên Vương năm trăm tuổi đọa trong Nê-lê so với nhân gian bằng chín trăm ngàn (900.000) năm là thời gian người này bị đọa vào địa ngục Đẳng hoạt. Một ngày đêm của trời này bằng năm mươi năm của nhân gian. Cu-xá Tụng nói: Đẳng hoạt là bằng sáu thứ trên như thứ tự lấy tuổi thọ trời dục làm một ngày đêm, tuổi thọ cùng đồng như thế, ở trong ngục cực nóng nửa kiếp, ở trong ngục vô gián đủ một kiếp, rồi sanh làm loài bàng sanh thấp nhất làm quỷ năm trăm ngày tháng). Tuổi thọ At-bộ-đà như một Bà-ha-ma trăm năm trừ một cho đến hết các bộ sau gấp hai mươi lần.

#### 64. THỐNG LUẬN HAI ĐẾ.

Giáo truyền sang Đông Độ, pháp vốn ở Tây Vực, nghe mùi thơm ắt phải tìm cội gốc. Cho nên theo dòng mà tột nguồn. Luận hiệu Phật-đà Tăng-già hiệu tên Bồ-đề Bát-nhã. Tuy cơ mà nói tuy nói vô biên, chỉ qui ở ý chỉ nói hai đế nay ở tập cuối lược nói bảy môn: Một là Nguyên Tông, hai là Thích Danh, ba là Biện Nghĩa, bốn là Bày Thế, năm là Thích Tướng, sáu là Cảnh Trí, bảy là Khuyên Răn.

##### 1) Là Nguyên Tông.

Trung Quán Luận nói: Chư Phật y hai đế vì chúng sanh nói pháp: Một là Tục đế, hai là Đệ nhất nghĩa đế. Bởi vì Phật nói pháp lời chẳng uổng phí. Phạm chỗ lập ngôn đều nói Thật lý. Cho nên người nghe pháp đều có chỗ chứng. Vì y vào hai đế làm cơ nói pháp. Như Đại Luận nói: Có hai thứ chúng sanh: Một là biết các pháp giả gọi, hai là mê đắm danh tự (chữ nghĩa). Vì chúng sanh mê đắm danh tự nên nói vô tướng, vì chúng sanh biết các pháp giả gọi nên nói thế đế. Do đó Thế Tục hiển sự điều kiện, các pháp rõ ràng. Cho nên trong môn Phật sự chẳng bỏ một pháp. Đem trung mà khuyên bề tôi (khuyên tôi nên trung với vua), đem hiếu mà khuyên con cái (khuyên con cái nên hiếu thảo), khuyên nước nên trị, khuyên nhà nên hòa, thưởng thiện thì bày cái vui thiên đàng, phạt ác thì nêu cái khổ địa ngục. Đây là một Tục đế, Chân đế thì bày

cái lý bản tịch một tánh mất hút. Do đó thật tế lý địa chẳng thọ một trần thị phi đều mất, năng sở đều quên, chỉ vạn tượng là chân như, xem Tam thừa là thật tế. Đây là y chân đế.

### **2) Là Thích Danh:**

Hai Đế pháp này ở Năng thuyên mà gọi. Nói chân thì nghịch tục, thuận tục thì trái chân vì chân là nghĩa thật, xét thật là chân. Tục là nghĩa giả, xét giả là tục. Cho nên Niết-bàn nói; chỗ người xuất thế biết thì gọi là Đệ nhất nghĩa đế, chỗ người đời biết thì gọi là Thế đế. Bắc Sơn Lục nói: Gặp chỗ quên tình gọi là chân, khởi vi thiệp động gọi là tục. Chân là Tánh không, Tục là giả có. Giả có mà có nên gọi là Tợ (diệu) hữu, tánh không mà không nên gọi là chân không. Đây là ước Sự Lý đối nhau mà giải thích. Chiêu Minh Thái tử nói: Chân đế lia có lia không, Tục đế tức có tức không. Tức có tức không đây là giả danh, lia có lia không đây là Trung đạo. Đây là ước Trung biên mà phán thích.

### **3) Là Biện Nghĩa:**

Tông Cảnh hỏi rằng: Một tâm hai đế, Lý sự chẳng hư. Chứng lý tánh mà thành chân, xét sự thật mà làm tục, đều đủ nghĩa cực thành, là môn chẳng hoại hai đế. Đại Tiểu hai thừa đồng cùng kiến lập. Như thế nào là nghĩa cực thành? Đáp: Chỗ thành quyết định chẳng thể dời đổi, tùy chân tùy tục đều có đạo lý. Du Già Luận nói: Một là có thế gian cực thành chân thật; hai là đạo lý cực thành chân thật. Thế gian cực thành chân thật, là tất cả thế gian đối với mọi việc là tùy thiện giả lập theo thói quen thế tục, ngộ nhập giác tuệ chỗ thấy đồng tánh nghĩa là đất là đất mà không phải là lửa v.v... cho đến khổ chỉ là khổ không phải là vui v.v... vui chỉ là vui không phải là khổ. Nói tóm tắt, đây tức như đây không phải chẳng như đây, đó tức như thế chẳng phải chẳng như thế. Quyết định hiểu rõ cảnh sự chỗ làm tất cả thế gian đều từ Bản tế xoay vần truyền lại. Tưởng tự phân biệt mà cùng thành lập, chẳng do tư duy suy lường quán sát rồi sau mới lấy. Đó gọi là thế gian cực thành chân thật. Đạo lý cực thành chân thật, là y chỉ vào Hiện tỷ cho đến giáo lượng mà rất khéo tư duy chọn lựa quyết định mà kiến lập mà bày biện ra các nghĩa. Đó gọi là đạo lý cực thành chân thật.

### **4) Là Bày Thế:**

Pháp hai đế là nói Thế sở thuyên. Như Chiêu Minh nói: Chỗ biết của người đời sanh pháp làm thế, chỗ biết của Thánh nhân không sanh làm thế. Do người tuy khác nhưng Thế nó không khác. Cho nên Kinh Khê nói: Chỉ điểm một pháp hai đế rõ ràng. Tục thì trăm cõi nghìn như, chân thì đồng ở một niệm. Lại Khởi Tín nói: Ma-ha-diễn gồm nói

có hai thứ. Thế nào là hai: Một là pháp, hai là nghĩa. Đây là lấy một pháp mà phân ra hai nghĩa. Nói thật tướng chẳng hoại giả danh luận sai biệt chẳng phá bình đẳng. Chiêu Minh nói: Chân tức có là không, Tục chỉ không là có. Tông Cảnh nói: Tục đế chẳng được chẳng có, có mà thường tự không. Chân đế chẳng được chẳng không, không mà chỉ suốt có. Cho nên Thập Nghi Luận Chú nói: Tướng mà vạn pháp sum la thật không chỗ được, luận tánh mà nhất như tịch diệt chẳng ngại tùy duyên. Chơn là chơn của Tục gia, vạn pháp tự mất. Tục là tục của chân gia, một tánh luôn khác. Vì dùng bất hoại giả danh thì kia đây sanh diệt sai khác. Vì nói các pháp thật tướng thì kia đây sanh diệt tự mất. Chỉ ở chỗ không một mà nói chẳng hai. Cho nên Nhân Vương nói: Ở giải thường tự một, ở Đế thường tự hai. Hiểu rõ một, hai này thì chân nhập Thánh nghĩa đế. Cho nên Cổ đức nói: hai đế đều không phải hai, luôn trái chưa từng đều. Hai đội hiển trong mắt nghĩa là không chơn không tục một đôi nhận lẽ vượt đất cao bay, hai con uyên ương bên ao riêng đứng. Lại Tiên Đức nói: Chơn tục hai mất, hai đế luôn còn. Không có hai mất, hai vị luôn hiện thế nên biết đều chấp thì mất lổu, hổ dung (dung nhau) thì được, đều chấp thì mất. Như nói hữu vi tuy đối, nhưng bỏ nó thì nghiệp lớn không thành. Vô vi tuy không nhưng trụ nó thì huệ tâm chẳng sáng. Hổ dung (cùng dung nhau) thì được, như nói: Tuy biết các nước Phật cho đến chúng sanh đều không mà thường tu Tịnh độ giáo hóa các chúng sanh. Cho nên Thập Nghi Luận Chủ nói: Thánh nhân được ý ấy thì ở chỗ tùy duyên nói thể không. Cho nên Kinh Khê nói: Phải biết vạn pháp là chân như, vì do bất biến nên chân như là vạn pháp, vì do duyên, những văn nói này đều luận chân tục là thể một vậy.

##### **5) Là Thích tướng (giải thích tướng)**

Diệu Huyền nói: Thủ ý tồn lược (lấy ý tóm tắt) chỉ điểm pháp tánh là chân đế, vô minh mười hai nhân duyên là Tục đế. Ở Nghĩa thì đủ, chỉ vì tâm người thô cạn chẳng biết chỗ thâm diệu. Lại phải khai hộ thì luận bảy thứ hai đế. Thích Châm giải rằng: Song bảy văn này tan khắp trong các kinh không có một chỗ nào nêu đủ. Chỉ có Đại Kinh mười hai lệ tám (nêu tám trong mười hai thứ hai đế) chương An làm bảy thứ hai đế mà tiêu, cái thứ một là chung, bảy cái kia là riêng. Kinh nói: Chỗ thấy của tâm người xuất thế gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Chỗ thấy của tâm người đời gọi là Thế Đế. Sở nói: Tổng quan các đế, thế tình nhiều thứ bó làm Thế đế, Thánh nhân biết nhiều bó làm Đệ nhất nghĩa đế. Tức là các giáo tùy tình trí. Kinh nói: Năm ấm hòa hợp gọi tên này kia đó gọi là Thế đế. Hiểu ấm không ấm cũng không danh tự, lìa ấm cũng không,

đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Sở nói: Tên không tên tức sanh diệt hai đế. Kinh nói: Hoặc có pháp có gọi (tên) là có thật, đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Hoặc có pháp có gọi (tên) là không thật, đó gọi là Thế đế. Sở nói: Thật chẳng thật tức vô sanh hai đế. Kinh nói: Như Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ mạng các tri kiến cho đến như lông rùa sừng thỏ v.v... các ấm giới nhập, đó gọi là Thế đế. Khổ, tập, diệt, đạo đó gọi là Chân đế. Sở nói: Định, bất định hai đế tức là đơn tục mà phức chân. Kinh nói: Thế pháp có năm thứ, đó là Danh thế, Câu thế, Phước thế, Pháp thế, Chấp trước thế. Đó gọi là Thế đế. Đối năm pháp này tâm không điên đảo, gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Sở nói: Pháp chẳng pháp cũng là nằm trong hai đế. Kinh nói: Thiêu (đốt) hại tử (chốt) hoại đó gọi là Thế đế. Không thiêu hại tử v.v... gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Sở nói: Thiêu chẳng thiêu là phức tục đơn trung. Kinh nói: Có tám thứ khổ đó gọi là Thế đế, không tám thứ khổ là Đệ nhất nghĩa đế. Sở nói: Khổ chẳng khổ hai đế cũng là phức tục đơn trung. Kinh nói: Thí như một người có nhiều tên (danh tự) y cha mẹ mà sanh đó là Thế đế, y nhân duyên hòa hợp mà sanh đó là Đệ nhất nghĩa đế. Sở nói: Hòa hợp hai đế, chân tục chẳng hai là phức tục phức trung vậy.

#### **6) Là Cảnh Trí:**

Khởi Tín sao hỏi: Cảnh - Trí là một hay khác? Đáp: Trí là thể không hai, Cảnh cũng chẳng hai. Trí không hai, thì chỉ là một trí, nghĩa dụng có khác. Ước biết chỗ chân gọi là chân trí, ước biết chỗ tục gọi là Tục trí. Cảnh không hai, nghĩa là sắc tức là không, là Tục cảnh. Do đó khi chứng chân thì đạt (thấu suốt) tục, khi đạt tục ắt là chứng chân. Hiểu tục không tánh tức là chân không, há có trước sau ư? Huống là không có cảnh ngoài tâm, sao có tâm ngoài cảnh, tức là tâm cảnh trộn lộn làm một pháp giới.

#### **7) Là Khuyến Răn:**

Đại Kinh nói: Chỗ nói hai đế kỳ thật có một, phương mà nói hai. Như say chưa ới thì thấy có mặt trời mặt trăng quay, nghĩa là có mặt trời quay và không quay. Còn người tỉnh thì chỉ thấy không quay. Chẳng thấy quay, nghĩa là một chẳng nói một, hai chẳng phải hai. Phải lấy trí mà hiểu chớ lấy tình mà chấp. Cho nên Phật bảo A-nan: Từ xưa ta làm người nghe nhiều cùng Văn-thù-sư-lợi tranh luận nghĩa hai đế. Chết rồi đọa vào Tam đồ trải vô lượng kiếp nuốt hòn lửa nóng. Từ địa ngục ra, gặp Phật Ca-diếp vì ta giải thích có không hai đế. Phật Ca-diếp nói: Tất cả các pháp đều không tánh nhất định (định tánh) Ông nói có không là nghĩa chẳng thế. Tất cả vạn pháp thấy đều không tịch (vắng không), hai

đế này cũng có cũng không. Ông chỉ biết văn mà không hiểu nghĩa của nó. Phải biết hai đế, Tục đế cho nên có, chân đế cho nên không, thể chẳng thể nghĩ bàn (thể nó bất tư nghì), sao có thể riêng chấp. Người học giáo Phật phải lìa tình tưởng. Cho nên Phật Tạng nói: Dao cắt hại người Diêm-phù-đề tội ấy rất ít, còn đem tâm sở đắc mà nói thật tướng thì tội rất nặng. Phải biết Phật pháp bất tư nghì, chỉ giáo tướng là khó hiểu. May nhờ các Hậu Hiền ở Phật thánh giáo mà nghiên cứu kỹ lưỡng chớ nên thô lược.

### PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA BỔ SUNG THÊM

Khi soạn tập đầu ý còn giản lược hoặc mất phiên dịch hoặc thiếu giải nghĩa. Nhân sau xem kỹ lại nên xin soạn tiếp để bổ sung để Hậu Hiền biết rõ. Bổ sung về mười hiệu.

- Minh Hạnh Túc (Vidyàcarana Sanyoanna?) là đủ ba minh và sáu thần thông. Trí Luận nói: Một là Như ý, hai là Thiên nhãn, ba là Thiên nhĩ, bốn là Tha tâm, năm là Thức tức mạng thông, sáu là Vô lậu thông. Nói thông thường thì dịch nói: Âm dương chẳng lường gọi là thần, tịch nhiên bất động cảm mà liền thông. Anh Lạc nói: Thần gọi là Thiên tâm, Thông gọi là Huệ tánh. Huệ thiên nhiên suốt chiếu vô ngại nên gọi là thần thông. Một là Như ý thì có ba thứ hay đến chuyển biến Thánh như ý. Hay đến lại có bốn: Một là thân bay như chim vô ngại, hai là dời xa khiến gần chẳng đi mà đến, ba là ẩn đây hiện kia, bốn là niệm liền đến. Chuyển biến là lớn có thể làm nhỏ, nhỏ có thể làm lớn, một hay làm nhiều, nhiều hay làm một, các thứ vật đều có thể chuyển biến. Đám ngoại đạo có thể chuyển biến lâu nhất không quá bảy ngày, còn chư Phật và đệ tử thì chuyển biến tự tại không có lâu gần. Thánh như ý là ngoài sáu trần vật bất tịnh không đáng yêu, có thể quán khiến tịnh, tịnh vật đáng yêu có thể quán khiến bất tịnh. Đó là pháp Thánh như ý, chỉ có Phật là riêng có. Thiên nhãn thông là Nhãn được sắc giới bốn đại tạo sắc thanh tịnh, đó là Thiên nhãn. Thiên nhãn thấy được trên đất và dưới đất các vật của sáu đạo chúng sanh hoặc gần hay xa, thô hay tế, không sắc nào chẳng xét chiếu ấy là Thiên nhãn. Có hai thứ: Một là từ Báo mà được, hai là từ Tu mà được. Trong năm đạo thì Thiên nhãn từ Tu mà được không phải là Báo mà được. Vì sao thế? Vì thường nhớ nghĩ các thứ ánh sáng mà được....; Thiên nhĩ thông là Tai được sắc giới bốn đại tạo sắc thanh tịnh, hay nghe được tất cả tiếng, tiếng trời tiếng người tiếng ba ác đạo. Làm sao được Thiên nhĩ thông, do tu mà được,

vì thường nghĩ nhớ các thứ tiếng. Đó là Thiên nhĩ thông; Thức tức mạng thông vốn thường nghĩ nhớ ngày tháng năm vào thai cho đến trong đời quá khứ, một đời mười đời một trăm đời ngàn vạn ức đời. Cho đến Đại A-la-hán Bích-chi Phật, biết rõ tám vạn đại kiếp. Các Đại Bồ-tát và chư Phật biết đến vô lượng kiếp. Đó là Thức tức mạng thông; Tri tha tâm thông là biết tâm người khác hoặc có cấu hoặc không có. Tự quán tâm khi sanh trụ diệt thường nhớ nghĩ cho nên được. Lại nữa, quán các tướng vui mừng, giận, sợ... của người khác, thấy các tướng ấy rồi sau mới biết tâm. Đó là Tha tâm thông; Lộ tận thông, kinh Như Lai Trang Nghiêm Nhập Nhất Thiết Phật Cảnh Giới nói: Nói lộ tận là lia bốn lộ tức là Dục lộ, Hữu lộ, Vô minh lộ, Kiến lộ vì chẳng lấy bốn thứ lộ đó bèn gọi là viễn ly các lộ. Trí Luận nói: Thần thông và minh có gì khác nhau? Đáp: Biết rõ việc Túc mạng ở quá khứ gọi là Thông, biết rõ Nhân duyên hạnh nghiệp quá khứ là Minh. Biết chết đây sanh kia gọi là thông, biết rõ nhân duyên chỗ làm sẽ không mất gọi là Minh. Ngay đây dứt hết các kiết sử chẳng biết sanh hay không sanh gọi là Thông. Nếu biết lộ hết chẳng còn sanh lại nữa thì gọi là Minh.

- Phật-đà (buddha), Triệu nói: Phật là gì? Đó là gọi bậc Đại giác biết rõ cùng tận lý tánh. Đạo ấy hư huyền chắc chắn đã dứt cảnh thường, tâm chẳng thể dùng trí mà biết, hình chẳng thể dùng tượng mà lường, đồng vạn vật cùng vi (làm) mà riêng ở cõi bất vi (chẳng tạo tác, làm), trong mấy lời mà chỉ được chỗ không lời không phải có mà chẳng thể là không, không phải không mà chẳng thể là có, tịch tịch hư khoáng (im vắng trống không) vật chẳng thể lường. Chẳng biết gọi tên gì, gượng ép gọi là giác. Thật là chí lý cũng là tốt cùng. Vậy thì đồng với đặc, thì đặc cũng được đặc, đồng với thất thì thất cũng được thất. Ấy thì chân thì đồng chân, pháp ngụy thì đồng ngụy. Như Lai ngậm chiếu sáng gồm một thật tướng, tướng của thật tướng là tướng Như Lai. Vô Cơ Tử kể sáu tức Phật rằng: Si thiền nhậm tánh, lạm Thượng thánh để căng (ham) cào, cuồng huệ tùy tình ở Hạ phàm mà tự khuất. Do đó Thiên Thai Trí giả Tổ sư nói sáu tức Phật mà phá hai thứ kiến mà sợ lỗi lớn. Việc sáu phần nhân quả khác nhau nó không nhau, tức là hiển lý Thánh phàm bình đẳng. Chìm trong biển sanh tử như báu ở trong tối mà không mất. Lên núi Niết-bàn như vàng ra khỏi quặng mà không được. Chẳng một chẳng khác đạo ấy rất dung thông không phải không quấy, trí này rất viên diệu. Nay thuật tụng hèn để khen đại hiển, mong ai thấy nghe đều được khai ngộ.

#### 1. Tụng lý tức Phật:

*Động tịnh lý toàn phải  
Hành tạng sự đều sai,  
Mật mờ tùy vật đi  
Lặng bật chẳng biết về.*

2. Tụng danh tự tức Phật:

*Mới nghe khúc vô sanh  
Mới nghe ca bất tử  
Nay biết là đương thể  
Lại hận mình lần lửa.*

3. Tụng quán hạnh tức Phật:

*Niệm niệm chiếu lý thường  
Tâm tâm dứt trần huyễn  
Khấp quán các pháp tánh  
Không giả cũng không chân.*

4. Tụng tướng tự tức Phật:

*Bốn trụ tuy thoát được,  
Sáu trần chưa đều không.  
Trong mắt cũng có màng,  
Trong không thấy hoa hồng.*

5. Tụng phần chân tức Phật:

*Rỗng tâm này khai ngộ,  
Trống vắng tất cả thông,  
Cùng nguồn cũng chưa hết,  
Còn thấy trăng mong lung.*

6. Tụng cứu cánh tức Phật:

*Từ xưa chân là vọng,  
Ngày nay vọng đều chân,  
Chỉ phục lại tánh xưa,  
Lại không một pháp mới.*

Vô Lượng Thọ (Amitâyus)

Trí Luận nói: Vô lượng có hai: Một là thật vô lượng là các Thánh nhân chẳng thể lường như tánh hư không, Niết-bàn, chúng sanh là chẳng thể lường; hai là pháp có thể lường, chỉ sức yếu nên không lường được như núi Tu-di và biển lớn mà chỉ lấy hai giọt nước thì số đo lớn nhỏ chư Phật và Bồ-tát cũng biết được còn các trời người thì không thể biết, cho nên nói là vô lượng. Thế nên ngài Thiên Thai bèn lập bốn cú: Thật có lượng mà nói vô lượng Di-đà là đó. Thật vô lượng mà nói có lượng như phẩm này và Kim quang minh là đó. Thật vô lượng mà nói vô lượng,

như Niết-bàn nói chỉ có Phật cùng Phật thọ mạng vô lượng là đó. Thật có lượng mà nói có lượng như tám mươi tuổi nói Diệt là đó. Lại lấy ba thân đối phạm mà lập bốn cú. Cho nên Pháp Hoa số nói: Lại nữa pháp thân không phải có lượng không phải vô lượng. Báo thân kim cương trước có lượng, kim cương sau vô lượng. Ứng thân tùy duyên thì có lượng, ứng dụng chẳng dứt thì vô lượng. Chung đường nói lượng ba cứ ở Thánh, một cú thuộc phạm. Có lượng và vô thường đều không phải nghĩa Phật.

- Ē-thấp-phất-la-bạt-na (Aisvarasvana), dịch là tự tại đại thịnh.

- Ca-la-cưu-thôn-đà (Krakucchamda), dịch là chỗ nên đoạn đã đoạn.

- Các bài thi:

+ Đường Thái Tông ở phần kinh Đà có thơ rằng:

*Trước cửa vắng vẻ đầy rêu xanh  
 Một lúc lên đó lại bồi hồi  
 Trâu xanh bàn mãi Hàm quan đến  
 Ngựa trắng thân từ Ấn Độ đi  
 Xác thật thị phi theo lửa sáng  
 Yếu phần chân ngụy xây đài cao  
 Gió xuân giải hiểm bờ bãi,  
 Thối hết tro đạo giáo năm nay.*

+ Đường Nghĩa Tịnh Tam Tạng đề thơ lấy kinh rằng:

*Tấn Tống Tề Lương Đường thay nhau  
 Cao tăng cầu pháp là Trường An  
 Người đi trăm kẻ, mời về được  
 Kẻ sau mới biết khó người trước  
 Đường xa trời biết toàn giá lạnh  
 Sa mạc sông sâu sức héo hơn  
 Hậu Hiền nếu nay chưa rõ ý  
 Hãy thường đem kinh mà đọc xem.*

- Đề Hòa Việt, Hán gọi trời đất. Dịch nói: Trời đất bày vị mà trong đó dịch làm. Hệ Từ nói: Dịch cùng trời đất chuẩn, cho nên hay di luận Đạo thiên địa. Ngược thì nhìn Thiên văn, cúi thì xét địa lý. Bạch Hổ Thông nói: Trời nói là chân (trần), vì ở trên cao tự xuống vì người chấn (ấn giữ). Địa là dịch (đổi dời) là nói sanh vạn vật ô ấp giao dịch biến hóa.

- Ca-lưu-bà-đà-thiên (Gajapada), đây là nói dấu vọi tự có mười chỗ.



- Chất-đa-la (Citra), dịch là Tạp địa.
- Ma-thâu, đây dịch là Mỹ địa, tên ba trời này đều ở bốn đỏa Tu-di.
- Năm nghiệp vô gián, Du già thứ chín nói: Một là hại (giết) mẹ, hai là hại (giết) cha, ba là hại (giết) La-hán, bốn là phá Tăng, năm là làm ra máu.
- Thi-lị-dạ-thần (Sriya) dịch là Cát tường.
- Anh-nga-la-ca (Amgàraka), dịch là Hỏa tinh.
- Bộ-đà (Budha), dịch là Thủy tinh.
- Vật-ri-ta-bạt-đế (Vrhapati) dịch là Mộc tinh.
- Dư-nãi-dĩ-thất-chiết-la (Sanaiscara), dịch là Thổ tinh.
- Tuất-yết-la (Sukra), dịch là Kim tinh.
- Khư-lặc-ca, làm Thiên cốc mạch.
- Vật-già, đây gọi là Hồ đậu tức đậu xanh.
- Tắc-tất-lực-ca, đây gọi là Mục tú. Hán Thư nói: Nước Kế Tân có nhiều mục tú.
- Tát-xà-la-bà hoặc Tát-chiết-la-bà, dịch là Bạch giao hương.
- Na-la-đà (Naradhara), Na-la chánh Dự lưu Nại-la dịch là người. Đà là Đa-la, dịch là trì. Hoa này rất thơm nên mọi người đều đeo. Nên gọi Người trì hoa.
- Mạt-lị (Malli, Malì), dịch là hoa sắc vàng, sắc như vàng ròng.
- Cự-ma (Gomaya), dịch là Ngưu phần (phân trâu bò).
- A-đề-mục-đa-già (Atimukaka), Tông Cảnh dẫn Nhiếp Luận nói: Cừ thắng xưa nay than, từ lâu chôn trong đất biến thành Cừ thắng. Người Tây Vực nếu muốn làm dầu thơm thoa thân thì trước lấy hoa thơm và hạt Cừ thắng gom lại một chỗ mà nghiền thật nát sau mới lấy dầu cừ mà ngâm thì dầu sẽ thơm.
- Giải thoát (Mahsa), Triệu nói: Mặc tình vô ngại, trần lụy không ràng buộc là giải thoát. Ngài La-thập nói cũng gọi là Tam-muội, cũng gọi là Thân Túc. Hoặc khiến sửa đổi dài ngắn to nhỏ dung nhau mà biến hóa tùy ý, ở pháp tự tại giải thoát vô ngại, nên gọi là giải thoát. Lại nói tâm được tự tại chẳng bị chẳng thể trói buộc, cho nên gọi là giải thoát. Tịnh Danh Sớ nói: Một là chân tánh, hai là thật huệ, ba là phương tiện. Cho nên kinh nói: Chư Phật Bồ-tát có giải thoát tên là Bất tư nghì. Nếu Bồ-tát trụ vào giải thoát này thì có thể lấy núi Tu-di cao rộng mà để trong hạt cải bé nhỏ, các thứ biến hiện khó lường, tức là nghĩa ba thứ giải thoát Bất tư nghì. Vì sao? Vì các Bồ-tát có giải thoát tức là chân tánh. Nếu Bồ-tát trụ vào đấy, tức là thật huệ có thể lấy núi Tu-di mà

để trong hạt cải v.v... tức là phương tiện. Đại Phẩm nói: Tâm được giải thoát tốt, thì tuệ được giải thoát tốt. Thùy Dụ nói: Tâm thoát là Cu, Tuệ thoát là tuệ.

- Trí Độ (Pràjnāparanīta), La-thập nói: Cùng nguồn của Trí nên gọi là độ. Trong tiếng Phạm có nghĩa mẹ.

- Phương tiện (Upaya), La-thập nói: Trí Độ tuy lấy Minh Chiếu làm thể, thành tế vạn hạnh so với công dụng ấy thì chẳng bằng phương tiện làm cha. Trong tiếng Phạm có nghĩa cha. Phương tiện có hai thứ: Một là hiểu sâu về không mà không lấy tướng thọ chứng, hai là lý thật tướng sâu xa chẳng thể tin nhận nên phải cần phương tiện, dẫn dụ quần sanh khiến họ dần ngộ: Phương tiện nghĩa sâu mà công năng nên gọi là cha. Tịnh Danh Sớ nói: Phương là pháp riêng trí đến được. Tiện là dung quyền xảo của Bồ-tát, hay khéo dùng các pháp, tùy cơ mà lợi vật, nên gọi là Phương tiện. Kinh Khê nói: Trong Pháp Hoa sớ vì hiển thật nên phân làm ba giải thích, nghĩa là Pháp dụng và môn đều bí diệu. Nay đây bỏ hai chỉ lấy pháp dụng. Môn luận thú nhập, bí diệu khai quyền. Nay chưa khai quyền nên thiếu giải thích sau. Bất Thủ Môn là Bồ-tát có thể vào, Nhị thừa thì thiếu. Trong Bồ-tát lại ước đương phần phục trí truyền nhập, cho nên lại không nói, cứ theo lý cũng hợp. Dụng môn một ý lấy đương phần mà vào cùng pháp dụng là đồng, cho nên lại chỉ dùng pháp dụng một ý. Lại thông bí giáo, cũng có thể đầy đủ dụng kia ba ý. Luận Pháp Hoa Phương Tiện Phẩm Nho Thi có sáu nghĩa vì tư vô tư làm chỉ qui. Năm thời Thích giáo Khai Phật Tri Kiến là rất ráo. Thật là hội cáo của một hóa, thật là cực tông của chư Phật. Giống như Thái Hư mà bao gồm các sắc, như bột giải để nạp các quần lưu. Do đó dùng ống dòm trời, lấy bầu rót pháp hải, thâm nghiên vị ở chân thuyên, há Trần bày ở Đạt sĩ. Trước luận Phẩm Đề, kể nói Phẩm Nghĩa.

\* Trước luận Phẩm Đề là kinh nói: Pháp chư Phật lâu sau phải nói chân thật. Văn đã bày (bác) phương tiện, thì đề phải gọi là chân thật. Sao dùng quyền danh (tên quyền) mà lập phẩm này như lấy bằng huyện mà để ở cửa châu. Lại Phật khởi Định tức tự nói chư Phật trí tuệ thâm vô lượng. Đây bên cùng khen quyền thật. Bạc Tiên Đạt bên nói: Hoa này không có thì thôi nếu có thì hoa quả cùng đủ. Kinh này chẳng nói thì thôi nói thì quyền thật đều luận. Kinh đã nói hai, tên quyền thật sao chỉ riêng nêu phương tiện. Do đây mà nổi nghi. Tiên Đạt nối tiếp cùng lập bảy nghĩa để bày ý đề: Một là quyền có công hiển thật. Pháp vương trước hóa cơ duyên chưa chín thì ẩn thật bày quyền, lấy quyền che thật. Hội Linh sơn khéo nói khắp hội quyền thừa, quyết liễu pháp

Thanh văn là vua các kinh. Bí đó bị khai ở đây thành diệu, quyền này đã có công hiển thật, cho nên nhà kiết tập gọi là Thiên Quyền phẩm; Hai là Danh thiên mà nghĩa viên, nếu nêu chân thật thì trái phương tiện. Phẩm này tên quyền tuy Thiên kỳ thật pháp thể là viên cụ, bèn bày quyền thật đều tốt; Ba là Danh thể đều chẳng chuyển. Đây có bốn cú: một là danh chuyển mà thể chẳng chuyển. Như nói chính trực bỏ phương tiện chỉ nói đạo Vô thượng. Cho đến cú bốn là Danh thể đều chẳng chuyển. Như nói chúng ta nay thật là Thanh văn. Danh chẳng chuyển nên gọi là phương tiện phẩm; Bốn là hiển khai quyền dứt đối đãi. Pháp Hoa khai quyền hiển thật, ngoài quyền không thật, pháp dụng hay thông đương thể bí diệu. Nếu nêu chân thật chỉ thành đối đãi nhau, là bày công tuyệt đãi nên gọi là Phương Tiện Phẩm; Năm là bảy giáo nói (thuyên) mê. Tổ nói: Tự không phải kinh này, ai chịu khen giáo này nói (thuyên) mê. Do chỉ tâm mê nhiễm tức là tự hành phương tiện, thì biết Đại quyền này có sức nói (thuyên) mê; Sáu là thi khai một chí, lúc xưa chỗ thi đã thi tức quyền của thật, ngày nay chỗ khai lại khai, tức là thật của quyền (quyền tức là thật), bèn thấy Thi Khai chẳng hai; Bảy là chọn khác kinh xưa, Tịnh Danh Báo Ân tuy đều lập tên Phương tiện, đã là quyền ở ngoài thể há là đồng với phẩm này đồng thể phương tiện. Từ xưa chỗ nói đều không ngoài bảy thứ này. Tiên Sư nói: Quán xưa nhiều nghĩa lỗi đến nay. Tự lập văn theo đây nguyên ý có hai nghĩa để nêu phẩm đề: Một là phụ văn là kinh gia lập phẩm phụ văn chỉ thứ chung riêng phải phân bố. Vì sao? Vì năm chữ đầu đề, pháp thì quyền thật chung nêu dụ bèn hoa quả cùng nói, do đó ba vòng khai hiển, Bản Tích hai môn, một bộ văn thấy đều chẳng nêu ra (ở ngoài) pháp quyền thật. Phẩm này nếu lại cùng lập để nói quyền thật thì cùng Đề chung không khác; hai là Nguyên ý. Kinh này Khai quyền hiển thật mà ý ở quyền. Cho nên nói: Chư Phật quá khứ đã dùng vô số phương tiện đem các thứ nhân duyên các thứ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, pháp ấy đều là một Phật thừa. Không có quyền thì không do đâu mà nói thật được. Cho nên khiến cơ duyên tức ở pháp quyền mà hiểu chân thật. Cho nên nói chẳng chỉ chỗ khai thì không do đâu mà nói thật. Kể rõ Thi quyền ý ở tại khai. Cho nên Ký Chủ giải thích khai phương tiện môn để bày tướng chân thật. Bày (thị) nghĩa là chỉ bày chỉ cái chỗ thấy thật. Lại thấy chỗ thật ở đâu tại ở Thiên quyền phương tiện trước. Ngày nay nói phương tiện này có tướng chân thật phương tiện này đã tức thật bèn khác phương tiện kinh xưa cho nên được gọi là Bí diệu. Thế nên kinh gia đề tên phương tiện mới nói phương tiện tức là chân thật. Cho

nên Xá-lợi-phất nghi rằng vì sao ân cần khen ngợi phương tiện. Thì biết phương tiện thật là tên chung của Khai quyền, thật là tên lớn của hiển thật. Có người hỏi: Nay do Khai quyền mà gọi Phương tiện, thì Tịnh Danh đã chứa Khai quyền sao gọi phương tiện, đã gọi phương tiện sao quyền chẳng khai? Đáp: Kinh ấy nói phương tiện, thì Sở nói: Phẩm này chính nói giúp Phật mở bày quyền mưu khéo léo, tùy cơ lợi vật khiến vào tuệ khởi căn, cho nên gọi là Phương tiện. Tuy nói Phương tiện, song cơ duyên ở đương Tòa sao (đâu) biết chỗ chứng cũng là phương tiện, cho nên tên phương tiện xưa là quyền chưa khai.

\* Kế luận về phẩm nghĩa: Tổ ta dự giải thích phẩm đề bèn lập pháp dụng, hay thông Bí diệu ba thứ phương tiện, nay trước chỉ chung, sau mới nói riêng. Lại chỉ chung, thì ba phương tiện này, hai cái trước là từ giáo xưa, một cái sau là thuộc kinh nay.

1/ Gọi là Pháp dụng, thì phương là pháp, Tiện là dụng, pháp có phương viên, dụng có sai hội. Ba quyền là cũ là phương, một thật là qui là viên. Ký nói: Trước ước năng dụng ba giáo được tên. Pháp là sở dụng, dụng là năng dụng. Tuy pháp và dụng đều thông bốn giáo nhưng chỉ có phương viên sai hội khác nhau. Cho nên phương tiện từ quyền mà lập tên. Quyền chẳng tức thật, cho nên đối biện xưa thành quyền ngoài thể không phải là ý phẩm này. Trong Văn nêu viên, tức thuộc chân thật đối nhau mà đến.

2/ Gọi Năng Thông Sở nói: Lại phương tiện là môn, môn gọi là Năng Thông, thông ở sở thông phương tiện quyền lược đều là lộng dẫn chân thật làm môn. Chân thật được hiển thì công do phương tiện từ năng hiển mà được tên. Ký nói thứ lớp hai giải thích quyền thuộc Năng thông, ba giáo cũng được tên là phương tiện. Song tuy chẳng tức dùng năng vì viên mà làm thuyên xa. Vì viên của sở thuyên cũng mang cả Năng thuyên làm phương tiện. Cho nên biết đều không phải ý của phẩm này. Lại nói nay dùng ba nói (thuyên) một, ba là vì một thật làm cho nên ba gọi là năng thuyên. Ấy thì ba giáo trước giáo hành nhân lý (thì ba cái trước, giáo giáo v.v...) đều là Năng thuyên. Lại nói chẳng phá chẳng tức, từ quyền vào thật nên được tên tu. Nếu ở tiền hai vị ba giáo lợi căn Bồ-tát là có hiển lộ mà được, còn Nhị thừa hai giáo chỉ bí mật mà được. Vì do được vào nên liền gọi là môn.

3/ Gọi Bí diệu, Sở nói phương là bí, tiện là diệu, diệu đạt ở phương tức là chơn bí, điểm châu vô giá giấu trong áo cùng với châu trên đầu vua chỉ là một châu, không hai không khác. Như đây mà nói là bí là diệu. Như kinh nói chỉ ta biết tướng ấy, mười phương Phật cũng thế.

Thôi thôi không cần nói nữa, pháp ta diệu khó lường. Cho nên dùng Bí mà giải thích phương, dùng diệu mà giải thích tiện, chính là ý của phẩm này.

Ký nói: Đến giải thích thứ ba phương bèn là ba quyền tức là một thật chỉ đây tức quyền của thật mới gọi là phương tiện kinh này. Lại nói giải thích thứ ba tức là y của phẩm này. Chỉ hai giải thích trước ở xưa chỉ được tên thiên tên môn. Bí mà không nói, nay khai Thiên môn ấy, tức Viên sở (viên là chỗ vậy?) vậy. Cho nên nói Bí diệu. Hiển lộ bày rõ nên nói là chơn bí. Có người hỏi: Diệu Lạc Ký nói: Tức quyền mà thật làm thể sở y, tức thật mà quyền, làm thể của đương thể. Chẳng xét tên Bí diệu thứ ba, là từ Sở y mà lập tên hay từ đương thể mà được tên. Đáp: Đây do đương thể tức thể sở y cho nên nói bí Bí bị khai ở nay thành Diệu. Lại nói: Văn thứ ba cũng khai hai trước không Năng không sở cho đến Năng thông, đều khai thành sở, trong sở khéo léo gọi là phương tiện. Cho nên Diệu phương tiện khác với phương pháp và Năng thông môn. Lại nói: Cho nên cách viên của thiên, cũng có phương tiện trong thể, nên gọi là Bí diệu. Tên Bí diệu giống như đồng cái thứ ba, song ý nó thì khác. Vì sao? Vì cái thứ ba chính dùng khai hiển làm diệu. Trong đây bèn dùng riêng viên làm diệu. Nay chơn xưa nay Bí diệu khác nghĩa. Nghĩ kỹ Tổ ta kính lập ba giải thích. Nếu không có hai cái đầu, há có thể bày làm sen. Cho nên Hoa dùng Thi quyền nếu thiếu cái thứ ba, sao (há) lại hiển hoa nở sen hiện mà hiển thật. Thể khắp một hóa, diệu bày bảy nhóm không phát tổng trì chỉ nói nghĩa này, tán ngưỡng kiên cao ta thán chẳng đủ. Kế nêu giải thích riêng. Nếu ước Bộ giáo thì hai cái đầu thuộc giáo xưa, pháp dụng năng thông đều khác thể quyền một cái sau thuộc kinh nay. Bí diệu phương tiện gọi là Đồng thể quyền, định Bí diệu phương tiện này tướng phá hiển, tiên đức di huấn hoặc định là sở phá: Một cứ vào Liên Hoa khai dụ (dù hoa sen nở), nguyên ý Phật ra đời là hiển thật, do có chưa kham nổi nên quyền thi giáo xưa. Đây là thí dụ cho hoa đào lý cho đến hoa pháp. Pháp đã thuần viên tuyệt diệu bèn chỉ hoa sen mà lập ba dụ: Một là vì sen nên có hoa ví như vì thật mà thi quyền, bởi bốn thời chưa nói thi quyền. Đây gọi là dị thể. Nay Vô Lượng Nghĩa đã nói từ một đạo thanh tịnh mà bày hai, ba, bốn gồm thấu dị thể xưa làm Đồng thể nay. Quyền đã từ thật mà thi, cho nên cùng như vì sen mà có hoa; hai là hoa nở thì sen hiện, đây là khai quyền hoa câu đầu, bèn hiển sen thật câu hai. Cho nên trong năm Phật chương đều có hai khoa Khai quyền Hiển thật. Khai quyền là văn kể giáo xưa xem là chỗ Hiển thật. Cho nên đồng thể với kinh Vô Lượng Nghĩa, nay bị hiện

tại phá; ba là hoa rụng thì sen thành, đây là dụ bỏ quyền lập thật, đều bỏ tự phần tức quyền của thật. Riêng lập chánh tông tức thật của quyền. Kế bằng vào nghĩa quyền tạm dùng thì quyền gọi là quyền tạm. Dùng đã lại bỏ thật gọi là thật lục, rốt ráo chỉ qui thì biết mười đôi quyền đều là sở (lo) phá. Như tâm ý thức đã là sự quyền há thuộc sở hiển ư? Ba là chuẩn theo Tổ sư định giải, như Phụ Hành nói: Hiểu quyền búi tóc của đồng thể cùng với châu sáng của thật tướng. Lại nghĩa lệ rằng: Như dẫn bộ Pháp Hoa chỉ là một Thật văn kể giáo xưa xem là Sở khai. Đã nói bộ chỉ một thật cho nên Đồng thể quyền làm sở phá. Tôi xem các tiên đức phá Đồng thể quyền, một là mê mà lập dụ, hai là muội mà khai quyền.

- Trước mê lập dụ: là vì sen nên có hoa. Như Đại sư nói: Là mười diệu thì mở ra mười thô như là vì sen nên có hoa. Đây ước pháp Thế dụng ở xưa đều thuộc Thô pháp. Vì sao một mực? Xem là vì sen nên có hoa, đều dụ Diệu pháp. Bèn thấy năng thí lập dụ lộn lạo thứ tự, sở hưởng là thật. Quyền Thi mới bắt đầu từ Hoa Nghiêm, cuối cùng ở Bát-nhã đều là cách trái ba đế, đều là thật của Pháp Hoa mà thi quyền bốn thời ba giáo, cho nên gọi là Thật thi quyền. Nếu riêng ở câu này dụ kinh Vô Lượng Nghĩa thì bày pháp được dụ thiếu sót vật.

- Hai là muội khai quyền: Bốn thời ba giáo ngoài thể hóa tha, cơ chưa thuần thực, che quyền nói thật nên không rốt ráo. Thuộc dị thể thô đến nay mới chỉ xưa chưa chân thật. Chấp giáo thiên tình đã khiến, tức biết đương thể vốn diệu. Khai pháp hóa tha này toàn là quyền tự hành quyền thật chẳng hai, bèn gọi là Đồng thể. Cho nên Tổ sư nói: Đã hiển thật rồi thì toàn quyền là thật chẳng thể nói quyền không rốt ráo. Hưởng Tổ sư nói: Ai chịu lấy ba cõi thức tâm hữu lậu mà làm chỗ Phật khen ngợi. Đã là chỗ Phật khen ngợi sao không được hiển.

Kế định Sở hiển, là Nam Bình một Tông đều nói: Thế Tôn xưa trừ tính lâu mới Chuyển pháp luân, cơ được hóa đã tạp, giáo được thí thì bất nhất (chẳng phải một). Tuy nói ba giáo mà chẳng nói đây là quyền tức thật. Tuy nói viên thừa mà chưa nói đây là thật, tức quyền. Quyền thật đều đặn, lớn nhỏ cách nhau, thế nên giáo xưa gọi quyền dị thể. Sau ở hội Linh Sơn tuyên nói Diệu Pháp Hoa, Khai Pháp Ấn Bí xưa làm giáo vi diệu nay. Quyền thật viên dung nên gọi là Đồng thể. Pháp đã Thô diệu tương tức Phật hóa sự lý đều viên. Nếu làm sở phá bèn thành khai diệu. Cho nên Văn Ký nói: Giải thích thứ ba tức khai hai thứ trước không năng không sở cho đến Năng thông đều khai thành sở. Có thể chứng Bí diệu mà không Sở khai. Như ba dụ hoa sen là văn của Phụ

Hành. Lại có năm sự tiêu thích nghĩa khác:

Một là nói Đối luận tự luận có khác. Nếu ước Thiên viên đối nhau. Dị thể là sở phá, đồng thể là sở hiển. Lệ vào ba giáo trước, hoặc hoặc phải đoạn hết, Viên giáo thì ba hoặc chẳng đoạn. Ở viên tự luận thì phải đoạn bốn mươi hai phẩm. Cho nên Đồng thể quyền cũng thuộc sở phá. Nay nói Thiên viên mà đối luận thì ba thứ trước gọi là quyền viên giáo thuộc thật, sao được Đối luận liền dùng Viên giáo gọi là Đồng thể quyền thì chẳng cần phá ư? Lại nay khai quyền hiển thật, khai thiên là viên, chính phải thiên viên đối luận, lại dùng hoa sen ba dụ, gọi đó là Viên giáo tự luận phá Đồng thể quyền, tức hiển kinh nay đều không có sức khai quyền ư?

Hai là nói cơ tình Phật ý, cơ tình tuy khai dị thể, Phật ý tức là Đồng thể. Nay nói khoa tiết chỉ ở kinh này. Phật ý không thích kinh này. Căn cứ theo ý tổ, đối cơ khai hiển tuy nói ở Pháp Hoa. Nhưng mật ý của Phật thì đều khắp bốn thời. Ấy thì cơ tình Phật ý chính ước nói xưa, nếu ước nghĩa xưa để dứt (đoán?). Kinh này, nó cũng muốn đến Hồ Nam diệu hành tặc Bắc, tâm tuy thiết nhưng đường càng xa.

Ba là nói pháp tự diệu, thô là do vật tình, tuy khai quyền dị thể, kỳ thật là pháp thể, vốn tự vi diệu tức là Đồng thể. Nay bảo như Ký Chủ nói: Chỉ khai tình ấy lý tự như xưa. Lại nói: Khai chỗ khai nào tức há năng phú. Đã chỉ phá tình năng phú sao từng khai pháp sở mê.

Bốn là nói ước khai cánh thuyết, đem Phụ Hành mà giải quyền Đồng thể búi tóc đã điểm Tích môn mà lưu thông kinh. Đây là ước dị thể đã khai thành Đồng thể cánh. Nay bảo An Lạc Hạnh phẩm, văn tuy ở dụ sau bèn hiển đặc điểm trước Chánh tông khai thô hiển diệu, đây nói vô tử là lời hư dối.

Năm là nói Đồng thể là sở khai thì ý bày Dị thể cũng chẳng thể phá. Lời này sóng mạnh, ta kinh sợ lời ấy cũng như sông Hán vô cực (mênh mông) vậy. Nay hỏi người xưa, do các sơn gia tối tăm (mê muội), văn nghĩa mà luận khai quyền mà lời rườm lý ít. Nay so sánh các văn, khiến băng tan mà giải thích khác đường cùng về một nơi

1- Giải thích dụ, xưa biện hoa sen hoặc chuyên dụ diệu hoặc gồm so thô. Nay rút chỗ diệu đã có quyền thật bèn hiển quyền thật cũng thông thô diệu. Nay trước phân sở dụ quyền thật, sau luận năng dụ thô diệu. Phân quyền thật là đề khế (nêu) cương yếu gồm có năm nghĩa: Một là nhân quả, hai là 9.1, ba là xưa nay, bốn là chân tục, năm là bản tích: 1/ Nhân quả mà phân, là trong mười phương giới thì bảy thứ trước thuộc nhân là quyền, hai thứ kế thuộc quả báo là thật; 2/ 9.1 mà phân

quyền thật, thì Diệu Huyền nói: Tho dù các hoa khác là 9 pháp giới, mười thứ (cái thứ mười) là nhân quả. Diệu Dụ hoa này là Phật pháp giới mười thứ là nhân quả; 3/ Ước xưa mà phân, lấy xưa là quyền làm nay là thật. Cho nên Diệu Huyền nói: một là vì sen nên có hoa, thí là thật thì (làm) quyền. Tuy nói các thứ đạo, kỳ thật là Phật thừa; 4/ Ước chân tục mà phân, không trí chiếu chân là thật giả trí chiếu tục là quyền, Trung Trí song chiếu là cũng quyền cũng thật. Trung Đạo song vong là chẳng quyền chẳng thật. Cho nên Diệu Lạc nói: Vì đối xưa nên phải làm bốn cú luận chung về Đại cương pháp tướng tuy như thế..... Một bán (một nửa) gọi là Phương Tiện Phẩm. 5/ Bản tích mà phân, như bài tựa này nói: Chỉ sen mà dụ cho Bản quả lâu xa, hiểu Viên đạo chẳng hai lấy hoa mà thí dụ. Quyền thật tuy thông năm nghĩa. Nay chỉ ước giới và bộ giáo, để luận Khai Quyền. Kế nói Năng Dụ Tho Diệu. Bài Tựa Huyền Nghĩa nói Hoa sen: một là sen nên dụ hoa là thật thì (làm) quyền; hai là hoa nở thì dụ cho Khai quyền, sen hiện là dụ cho hiển thật; ba là hoa rụng là dụ cho bỏ quyền, sen thành là dụ cho lập thật. Thường trái ba dụ dẫn mà nêu ra. Lại phạm dụ hoa sen nói ở kinh nay vốn là ví (huống) với Diệu pháp. Mà ngài Thiên Thai trước lấy vì sen nên có hoa một câu đã dụ là Thật Thi Quyền. Ước pháp thể này dụng ở lúc xưa thì hoa dụ cho thô pháp. Cho nên Diệu Huyền nói: Lại các giáo quyền thật chưa dung là quyền, đã dung khai quyền hiển thật là thật. Do xưa phó cơ mà quyền đê (giấu) ở thật bèn nói là Di thể. Do đó kinh nay phá thiên tình nay, bèn nói: Tuy nói các thứ đạo kỳ thật là Phật thừa, Thế Tôn đã nói là thật thì (làm) quyền Tổ ta bèn lập dụ vì sen mà có hoa. Căn cứ lời này ở kinh nay mới nói thật thì quyền, bậc lợi căn liền biết quyền này tức thật. Do kinh Vô Lượng Nghĩa từng nghe quyền này từ thật sanh ra. Đã phá cái thấy Di thể. Chỉ vì chưa khai hiển nên kẻ độn căn phải nhờ câu thứ hai: Hoa nở dụ cho khai quyền, sen hiện dụ cho hiển thật. Cho nên nói khai phương tiện môn bày tướng chân thật. Ký Chủ giải thích rằng: Chỉ thật là quyền, quyền giấu (am) ở thật gọi là đóng cửa phương tiện. Nay chỉ quyền là thật, ở quyền thấy thật gọi là mở cửa phương tiện. Đây điểm pháp dụng năng thông đều thành Bí diệu. Ba hoa rụng là dụ cho bỏ quyền, sen thành là dụ cho lập thật. Lại nói: Chánh trực bỏ phương tiện chỉ nói đạo Vô thượng. Đây là do bốn thời ba giáo đương thể bí diệu khai rồi không ngoài Tho pháp chẳng còn, nghĩa phải ở bỏ, ước pháp tuy khai phế (bỏ) đồng thời, ước dụ bèn trước khai sau phế (bỏ), nên phần làm ba cú, nêu trước sau có thứ tự.

2- Giải thích kinh rằng khai cửa phương tiện chỉ tướng chân thật.



Người xưa dẫn chứng Khai đồng thể quyền, phải hiểu hai chỗ dẫn dụng của Tổ sư. Sở chứng phương tiện năng thông. Nay lấy nghĩa môn từ môn Năng thông của ba giáo trước mà vào viên sở, cho nên nói mở môn (cửa) phương tiện. Ký chủ bèn nói: Ở xưa chỉ được tên Thiên tên môn, không phải nói ở đó đã nói khai môn (mở cửa). Như trong Huyền Nghĩa đã chứng khai quyền là đã ở phương tiện liền thấy chân thật, cho nên lấy chứng này mà khai tướng quyền.

3- Giải thích Phụ Hành giải quyền búi tóc Đồng thể cùng minh châu thật tướng. Do An Lạc Hạnh ước vua ban thưởng dụ cho Phật trao đạo. Cơ xưa cùng Ma đánh nhau vì có công ấy chỉ ban pháp Thiên định giải thoát, như thưởng ruộng nhà. Pháp Hoa phá lớn lưới ma đến Nhất thiết trí. Như vua mở lấy châu trong búi tóc mà ban cho. Lúc xưa quyền dấu (am) ở thật, như tóc che giấu châu. Ở cơ chẳng biết là quyền, dụ Dị thể đóng lại. Kinh nay phó cơ chỉ quyền pháp của ba giáo xưa toàn là phương tiện bí diệu. Cho nên quyết pháp Thanh văn tức là vua các kinh kinh đã lấy vua dụ Phật, ước Phật khi khai Dị thể không phải là Đồng thể. Cho nên nói mở (hiểu) búi tóc quyền của Đồng thể.

4- Giải thích nghĩa, lệ như dẫn bộ Pháp Hoa chỉ là một thật. Văn kể giáo xưa xem là sở khai. Thiên Trúc (Thiên Thai) dẫn bộ này chỉ một thật chứng mà phá Đồng thể. Nay bảo chỗ kể Thô pháp đã điểm là Diệu. Tướng quyền thật tức năng sở viên dung, cho nên nói Pháp Hoa chỉ là một thật.

5- Giải thích khoa mục, năm chương môn Phật đều có khai quyền hiển thật hai khoa. Bốn thứ trước thì trước khai quyền kế mới hiển thật. Nay Phật bèn trước hiển thật kế mới khai quyền.

Thiên Trúc (Thiên Thai) bèn nói khai quyền là văn kể giáo xưa, hiển thật bèn phá quyền Đồng thể. Nay nói khi mới khai quyền thì ý đã hiển thật. Chỉ ước nói thứ lớp. Khai quyền là nói chưa hiển thật, hiển thật mới hiểu là khai quyền. Lập ngôn thù phạm bèn phân hai khoa cho nên Pháp Minh Giảng Chủ nói: Nói không đều ngoài (ra). Lời không nhanh nói có ý khác chẳng? Ta mộ di giáo của Pháp vương, học mà luôn tập luyện, bèn bao quát cả luận Cổ kim để nghiên cứu đạo quyền thật. Tuy chẳng đủ phẩm thao uyên lưu thứ cũng không trái thương xác. Biên soạn này tặng Hậu Hiền nguyện được khai Phật tuệ.

- Sát-ma (Ksetra), dịch là Thổ (Đô) Điền (ruộng đất). Anh Lạc nói: Thổ là chỗ ở của Hiền thánh. Thiên Thai giải thích Duy-ma Phật quốc nói: Chư Phật lợi vật vô lượng vô biên, nay lược có bốn: Một là Nhiệm tịnh quốc, là phàm thánh cùng ở; hai là Hữu dư quốc, là người

phương tiện ở; ba là Quả báo quốc, thuần là pháp thân ở, tức là cõi Nhân-đà-la Vông Vô Chướng Ngại; bốn là Thường tịch quang, tức là chỗ ở của Diệu giác. Tên bốn độ này tuy phát từ Trí giả, nhưng nghĩa của bốn độ vốn chép trong các kinh luận. Nay nêu di giáo lược khai bảy môn: một là Bằng văn, hai là Thích danh, ba là Biện nghĩa, bốn là Định thể, năm là Thị tướng, sáu là Đối thân, bảy là Giải hoặc.

1) Bằng văn (dựa theo văn), kinh Duy-ma nói: Tùy chỗ hóa độ chúng sanh mà lấy Phật độ, tùy chỗ điều phục chúng sanh mà lấy Phật độ, tùy các chúng sanh đáng dùng cõi nước nào mà vào trí tuệ Phật, tùy chúng sanh đáng dùng cõi nước nào mà khởi căn Bồ-tát. Ngài Thiên thai giải thích rằng: Nếu đối bốn độ thì rõ ràng tương tự. Nếu riêng nêu thì như Tư Ích kinh nói: Cõi nước ở phương Đông có Phật hiệu là Nhật Nguyệt Quang, có Bồ-tát Phạm Thiên tên là Tư Ích bạch Phật rằng: Con muốn đến thế giới Ta-bà Phật bảo: Có thể đến. Ông nên lấy mười pháp mà đến cõi ấy. Đây là Tịnh Thánh đạo cõi uest. Lại Trí Luận nói: Uế độ (cõi uest) trước bày ba thừa sau mới hiển một thừa, Ta-bà là đó. Tịnh độ trước bày thừa sau mới hiển một thừa, An Dưỡng là đó; Hai là cõi Hữu dư, như kinh Pháp Hoa nói; Ta ở các nước khác làm Phật lại có tên khác. Trí Luận nói: Có Tịnh độ Phật ở ngoài ba cõi, mà không có tên phiên nào, do đó cõi nước Phật này chỉ nghe kinh Pháp Hoa; Ba là cõi Quả báo, như Nhân Vương nói: Ba Hiền mười Thánh trụ ở cõi Quả báo, chỉ cho một mình Phật là ở Tịnh độ; Bốn là Thường tịch quang, Phổ Hiền Quán nói: Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ-lô-giá-na, chỗ Phật ấy ở gọi là Thường tịch quang.

2) Thích danh (giải thích tên): Một là Nhiễm tịnh Đồng cư độ, Nhiễm tịnh có ba thứ: một là Mê ngộ mà phân, thì chín giới kia là mê nghịch, gọi là Nhiễm. Phật giới là Thuận Ngộ, gọi là Tịnh. Như Diệu Lạc nói: Vì ước tùy duyên, mà duyên thì có Nhiễm tịnh. Lại Bất Nhị Môn nói: Pháp tánh cùng vô minh khắp tạo các pháp gọi đó là Nhiễm, vô minh cùng pháp tánh khắp ứng các duyên, gọi đó là Tịnh; hai là Tình lý mà phân, Bất Nhị Môn nói: Cho nên biết sát-na nhiễm thể đều tịnh. Chỉ Yếu nói: Nay lấy Nhiễm tịnh ước tình lý mà nói; ba là Phạm thánh mà phân, Tịnh Danh Sở nói: Sáu đạo bĩ uest nên gọi là Nhiễm, ba thừa thấy chân nên gọi là Tịnh. Ba, sáu cùng trụ ở Nhiễm tịnh Đồng cư. Hỏi: Bất Nhị Môn nói: Trong lý một mà phân tịnh uest, riêng thì có sáu uest bốn thành, chung thì mười thông Tịnh uest, song Nhiễm tịnh tịnh uest này Văn Tâm giải rằng: Nhiễm tịnh là từ Mê Ngộ Thể Dụng mà nói: Tịnh uest ước Phạm thánh giới như mà biện. Nay gọi Tịnh gọi nhiễm, tịnh thì chính

ước Phàm thánh mà phân. Vì sao Tịnh Giác liền nói: Tịnh Uế nước phàm thánh giới như mà biện. Lại Thùy Dụ nói: Gọi Nhiễm tịnh mà ước với chánh, gọi Nhiễm tịnh mà ước với y. Hai độ phàm thánh cùng ở gọi chung là Nhiễm tịnh. Cõi này cát đá dầy dầy nên riêng chịu tên uế, còn cõi kia vàng báu trang nghiêm nên riêng được tên tịnh. Nay gọi Tịnh thì Sở nói bốn thú cùng ở nên gọi là uế, không có bốn thú ở nên gọi là Tịnh. Đây là từ Chánh báo mà lập tên Y báo. Vì sao Cô Sơn lại nói tên Nhiễm tịnh là ước chánh, tên Tịnh uế là ước y. Phải biết Nhiễm tịnh là từ phàm thánh mà lập tên, còn Tịnh uế là ước cảnh Y chánh mà lập hiệu. Hỏi: Đã từ Nhiễm tịnh mà lập tên Đồng cư. Lại có cũng từ Tịnh uế mà lập tên Đồng cư ư? Đáp: Nhiễm tịnh là tên chung, Tịnh uế là tên riêng. Cho nên Thùy Dụ nói: Cõi này tức cõi nước tịnh uế An Dưỡng tức là tất cả Nhiễm tịnh. Cho nên biết Đồng cư chính là từ Nhiễm tịnh mà lập. Nếu từ nghĩa chung (thông) như trong Tịnh Danh nói Thân Tử (Xá-lợi-phất) thấy uế, còn Phạm vương thấy Tịnh thì chính là Ta-bà Tịnh uế Đồng cư. Lại Bà-sa nói: Nếu người gieo trồng thiện căn có nghi thì hoa không nở, người tín tâm thanh tịnh thì hoa nở liền thấy Phật. Đây là An Dưỡng Tịnh Uế Đồng Cư, tùy thông nghĩa này nhưng tên không phải chánh lập. Cõi Nhiễm tịnh này cũng gọi phàm thánh Đồng cư. Tịnh Danh Sở nói: Nhiễm tức là phàm, Tịnh tức là thánh. Như Sở văn nói: Phàm thánh đều có hai. Phàm cư có hai: Một là ác chúng sanh, tức là bốn thú; hai là thiện chúng sanh, tức là trời người. Thánh Cư có hai: Một là thật, hai là quyền. Thật là bốn quả và Bích-chi Phật, Thông giáo sáu Địa, Biệt giáo mười trụ, Viên giáo mười tín. Thông hoặc tuy đã đoạn nhưng báo thân cũng còn; hai là quyền thánh, Phương Tiện Hữu Dư ba thừa chịu thân khắp chân pháp tánh, vì lợi kẻ có duyên nguyện sanh cõi Đồng cư đều là quyền cả, các Thánh nhân này cũng phàm đồng ở, nên gọi là Phàm thánh Đồng cư; hai là Phương Tiện Hữu Dư Độ, nói phương tiện, là như Thiền Môn nói: Khéo léo tu tập nên gọi là phương tiện. Đây có ba nghĩa: một là chân trung. Tịnh Danh Sở nói: Nhị thừa ba thứ Bồ-tát chứng phương tiện Đạo đến ở. Phụ Hành nói: Sở dĩ ở phương tiện vì đều thuộc không biên; hai là chân tự, Diệu Huyền nói: Biệt Viên Tự giải (hiểu) chưa phát chân tu đều gọi là tác ý; ba là Khắp Viên, Diệu Lạc nói: Đều lấy ba giáo mà làm phương tiện. Tuy thông ba nghĩa chánh là từ Chứng chân mà lập tên phương tiện. Nói Hữu dư, thì Quán Kinh Sở nói: Vô minh chưa hết cho nên nói là Hữu dư. Tịnh Danh Sở nói: Nếu tu hai quán đoạn hết thông hoặc mà hằng sa Biệt hoặc vô minh chưa đoạn, bỏ thân phần đoạn này mà sanh ra ngoài cõi, chịu thân pháp tánh,

tức có cõi ở cho biến dịch, gọi là cõi Hữu Dư, cũng gọi là Quả báo. Như Phụ Hành nói: Thông có do nhân mà cảm Quả báo chưa vào Thật báo. Lại nói: Văn nay lại nói: Báo cảm được khắp không khắp giả thì chẳng bằng Sơ trụ trở lên ở Quả báo độ. Lại gọi pháp tánh, như Trí Luận nói: Chịu thân pháp tánh, không sanh phần đoạn; ba là quả Báo độ, Tịnh Danh Sơ nói: Chỗ báo thân ở, Y báo tịnh quốc, gọi là Quả báo độ. Phụ Hành nói: nói Quả báo là từ quả báo mà làm tên, cũng gọi là Thật báo. Quán Kinh Sơ nói: Làm pháp chân thật cảm được Thắng báo (quả báo tốt). Tịnh Danh Sơ nói: Vì Quán thật tướng mà phát chân vô lậu mà được quả báo nên gọi là Thật, cũng gọi là Diệu báo. Như Phụ Hành nói: Chỉ có Biệt viên, Sơ địa, Sơ trụ, là được diệu quả báo, lại gọi là Thắng diệu báo. Như Chỉ Quán nói: Trái tức là Nhị biên quả báo, thuận tức là Thắng diệu quả báo, cũng gọi là Vô chướng ngại. Quán Kinh sơ nói: Sắc tâm chẳng ngại (hại) nhau, nên gọi là Vô chướng ngại. Tịnh Danh Sơ nói: một thế giới nhiếp tất cả thế giới, tất cả thế giới cũng như thế. Đây gọi là Thế giới hải, cũng gọi là thế giới Vô tận tạng; Bốn là Thường tịch quang, Quán Kinh Sơ nói: Thường tức là pháp thân, tịnh tức là giải thoát, quang tức là Bát-nhã. Đây vì chẳng dời chẳng đổi gọi là Thường, lìa có lìa không gọi là Tịch, chiếu tục chiếu chân gọi là quang, cũng gọi là quả báo. Như Văn Cú nói: Đồng cư, Hữu dư tự thể nó đều là chỗ quả báo của Diệu sắc Diệu tâm. Ký nói: Cho nên biết ba độ đều là chỗ Báo sắc tâm chứng đạo. Tịch Quang đã khắp gió na cũng khắp, đây vì quả báo của Diệu sắc Diệu tâm. Hỏi: Như Phụ Hành nói: Nay luận cảm báo, không luận Tịch quang, cứ theo Tịch quang này há gọi là quả báo ư? Đáp: Chỗ nói Tịch quang không phải là quả báo, là vì ba nghiệp đã dứt tốt, nghiệp báo đều mất. Do đó Tịch quang Thân độ đều nhất. Tuy không phải là báo hoặc nghiệp mà là quả của nguyện hạnh. Tịnh Danh Sơ nói: Tu nhân hạnh nguyện của Viên giáo, khi Nhân cực quả mãn thì Đạo thành Diệu giác mà ở Thường tịch quang. Hỏi: Như Thù Dụ nói: Trung Hạ Tịch quang nhiếp ở quả báo, không xét bốn mươi một Địa sanh Thật báo độ, vì sao mà được tên Tịch quang? Đáp: Tịnh Danh Sơ nói: Bốn mươi một địa trước nếu ước quả báo thì gọi là sanh Thật báo độ, phần kiến chân lý gọi là Thường tịch quang. Lại ký ấy nói: Ước báo mà luận sanh, thế nên hữu biên luận ở quả báo, ước Sở nhập biên thì không phải quả báo. Chỉ Sở nhập biên thì là kiến chân gọi là Thường tịch quang.

3) Biện Nghĩa, đây ước Giáo Môn biện nghĩa Độ lại mở năm môn: Một là luận thể dụng: Tịch quang là thể, ba độ kia thuộc dụng. Như Thích châm nói: Chư Phật lý tịch, thân không nơi chốn, cảnh sở y

trống vắng nên gọi là Thường tịch quang. Thế nên cát đá hay trân bảo tùy chỗ sanh mà cảm lại Phụ Hành nói: Thường tịch quang độ, pháp thân thanh tịnh không có chỗ trang nghiêm, không thể trang nghiêm. Vì chúng sanh mà lấy ba độ; Hai là luận sự lý. Tịnh Danh Sớ nói: Tịch quang là lý, ba độ kia là sự. Đây bèn đối phân sự lý, nếu đều phân sự lý. Như Tịnh Danh Sớ nói: Các độ không cấu, Tịch quang không tịnh. Rốt ráo không nói mà nói các độ là cấu, Tịch quang là tịnh. Ký nói lý luận bất đương (không đúng). Cầu cùng Tịnh là ước sự mới có, còn Tịch quang thì luôn tịnh; Ba là luận Năng sở. Kinh Khê ký nói: Chỉ lấy Tịch quang mà làm sở thành, tức lấy ba độ mà làm năng thành. Cho nên sở thành chỉ một, năng thành có ba. Ấy thì năng sở là việc riêng; Bốn là luận phạm thánh. Theo Tạp Biên nói mười giới đối độ có hoành có thụ. Nếu thụ mà đối thì đng cư là sáu phạm, Phương tiện là Nhị thừa, Thật báo là Bồ-tát, Tịch quang là Phật quả. Nếu hoành mà đối thì Đồng cư có mười là phạm thánh Đồng cư vậy. Phương tiện có bốn, vì không có sáu phạm. Thật báo có hai vì không có Nhị thừa. Tịch quang chỉ một vì không có Bồ-tát; Năm là luận tịnh uế Tịnh Danh Sớ nói: Các độ là cấu, Tịch quang là tịnh ba hoặc che lấp nên gọi là cấu, ba đức hiển tột nên gọi là Tịnh. Đây ước bốn độ mà đối luận. Nếu đều phân, thì Quán Kinh Sớ nói: Năm trước nặng nhẹ Đồng cư Tịnh uế. Diệu Tông giải thích rằng: Tịnh này rất thông (chung) cần biết ý riêng. Như kẻ giới thiện thì bốn giáo phạm vị đều có thể khiến năm trước mỏng nhẹ. Mà Viên Quán nói: trước nhẹ thì cảm được Đồng cư tịnh, y chánh rất tịnh. Như kinh này nói: Địa quán trở đi mỗi mỗi tướng trạng so với các kinh khác tu các hạnh thiện thì cảm được An Dưỡng Độ, tướng nó rất khác các cõi trời. Tạp Biên lại nói: Từng quán ngoài cổ âm tướng độ sáu kinh, kỳ thật là một. Nếu có y báo lớn nhỏ chẳng đồng, nhưng đây là nghĩa Như Lai khéo léo phó cơ tùy thời. Bởi do tâm tướng phạm phụ yếu kém chưa thể quán lớn được nên phương tiện hiện nhỏ làm cảnh phát quán. Nếu sanh độ ấy chỗ thấy đều lớn. Nay hỏi Tiêu xuyên đã thiên sao được thắng quả, không phải riêng bày ngẫu báo của người tu hay cũng nếu Thế Tôn là nói đối. Nhân quả chẳng phải loại nói đối thể khéo vụng Hữu dư Tịnh uế. Khan Chánh Ký nói: Người thông thể sắc tức không nên khéo. Người Tạng phiến sắc nói không nên vụng. Diệu Tông nói: Thể quán cảm tịnh chẳng chuyên người thông, diễn môn ba giáo đối ba tạng vụng, đều nói thể pháp. Thông chỉ không thể, Biệt thì thứ lớp thể, Viên thì bất thứ thể. Ba người sanh đó đều cảm tướng tịnh. Người viên thì tịnh nhất. Lại Vãng Sanh Ký Dẫn Phụ Hành nói: Kế nói Thể pháp,

y môn tu quán cũng phải gồm đủ ba thứ bốn môn. Ba là Thứ đệ đốn ngập Thật báo Tịnh ấ. Khan Chánh nói: Người Biệt dẫn tu thứ lớp ba quán, đăng địa vào thật nên xem là ấ, người viên đốn tu một tâm ba quán, đăng trụ vào thật nên xem là tịnh. Diệu Tông nói: Nếu luận thật chứng thì độ này chỉ có Viên thánh đến ở. Người Biệt Sơ địa chứng thì cùng viên đồng gọi là Thật cảm báo, có ưu giáng gì. Nay ở Giáo đạo Thập địa chẳng chung đến nỗi cảm độ khác người viên. Tạp Biên cùng lấy gọi là Thiên thành phi. Thứ đệ đốn nhập, tức là Biệt viên chỗ tu khéo vụng hai quán. Thật báo Tịnh ấ, tức là chỗ thấy dung ngại hai tướng. Bởi do người Biệt tu tập (quên) lâu thứ đệ tuy hồi hưởng viên khi tu nhập địa nhưng vẫn thấy phần sắc nhiễm ngại, nên gọi là ấ. Người viên trước sau chỉ tu đốn hạnh, khi nhập trụ thì chỉ thấy tướng độ này là dung thông, nên gọi là Tịnh. Vãng Sanh Ký phá ước giáo đạo mà nói thì thấy Thần Trí tự trái Phụ Hành. Người nghĩa học nên nghĩ kỹ. Bốn phần chứng cứu cánh Tịch quang Tịnh ấ. Diệu Tông Sao nói: Nếu ở người Biệt đồng chứng viên thật mà luận Tịch Quang, là chỉ ước chân, nhân đối viên cực quả mà phân Tịnh ấ. Nay luận giáo đạo mà nói cực quả, chỉ đoạn mười hai phẩm vô minh, nên Tịch quang cũng là ấ. Viên biết phải đoạn bốn mươi hai phẩm thì gọi là cứu cánh tịnh. Vãng Sanh Ký nói: Nay ước phần mãn đối nhau, cho nên hợp Trung Hạ chỉ gọi Phần Chứng Tịch Quang cũng là ấ. Diệu giác Thượng phẩm chân thường rốt mãn mới là cực tịnh, thỉnh xem văn nay. Các Phật Như Lai đạo ở đâu thì cũng là cực Tịnh độ, há không phải phần được cứu cánh Tịch quang chánh ước chân của Viên gia, nhân cực quả mà đối phân Tịnh ấ. Ngài Tứ Minh nói: Biệt giáo giáo đạo sâu chẳng thể biết. Khan Chánh Ký nói: Do phần chứng Tịch quang mới sanh Thật báo. Nay ước phần chúng cũng còn mang vô minh, vì vô minh nên là ấ, đoạn hết vô minh rốt ráo nên là tịnh. Tạp Biên hỏi rằng: Nếu thế thì thành ấ thuộc Thật báo, Tịnh thuộc Tịch quang. Nay bảo vô minh phần phá chứng thiếu phần vô tướng nên là ấ. Vô minh dứt hết chứng cứu cánh vô tướng nên là tịnh.

4) Định thể, các Tiên Đạt chung lấy ba đạo làm ba độ dưới. Thể của đương thể dẫn Phụ Hành nói rằng: Phần đoạn ba đạo tức là kiến tư hoặc là phiền não đoạn, phiền não nhuận nghiệp là nghiệp đạo, cảm giới nội sanh là khổ đạo. Phương tiện ba đạo nghĩa là Trần sa hoặc là phiền não đạo, vì nghiệp vô lậu gọi là nghiệp đạo, biến dịch sanh tử gọi là khổ đạo. Thật báo ba đạo tức vô minh hoặc là phiền não đạo, nghiệp phi lậu phi vô tướng là nghiệp đạo, Độ biến dịch ấy gọi là khổ đạo.

Thông lấy ba đức làm Thể sở y, khổ đạo tức là pháp thân, kiệt nghiệp tức là giải thoát, phiền não tức là Bồ-đề. Tiên sư bèn bảo hoặc nghiệp là nhân, khổ đạo là quả. Nay thể của độ là trung gian ba đời, chỉ lấy khổ đạo làm cội nước là thể của một ngàn đương thể. Lại lấy ba đức làm Thể sở y. Cho nên Kinh Khê nói: Đã cho pháp thân ở khắp tất cả chỗ, Báo - Ứng chưa từng lìa pháp thân. Nếu Tịch quang độ, thì Quán Kinh đã ước bốn đức mà giải thích tên, phải lấy ba đức làm Đương thể của độ lý không chỗ còn khắp ở nơi sự. Bèn lấy ba độ làm Thể sở y. Quảng Từ Pháp sư, theo Diệu Lạc nói: Vốn có bốn đức làm sở y, tu đức bốn đức làm năng y bèn chỉ Tu đức ba nhân làm đương thể. Tánh đức ba pháp làm sở y. Nay bảo Diệu Lạc nhân giải thích Hạ phương không trung Bồ-tát, do đó đem thân biểu thị cho trí, lấy không biểu thị độ, nên nói Thân độ. Nay chỉ biên độ sao được gồm thân. Huống đem tu đức để đối Lý độ, bèn bày nghĩa năng sở điền đảo.

5) Thị tướng, đây ước giáo môn chỉ tướng bốn độ: Một là chỉ tướng một khác, Ta-bà - An Dưỡng, cấu tịnh khác nhau nên gọi là khác. Phương tiện - Hữu dư thuần cảnh thanh tịnh nên gọi là một. Tịnh Danh Sớ nói: Ba thừa đồng lấy vô ngôn nói đạo, phát chân vô lậu, cảm được cội nước một đến liền đồng, cho nên nói là một; hai là bày tướng dung ngại, Phương tiện tuy là tướng một mà vô minh chưa phá thì quả báo còn cách khác. Tịnh Danh Sớ nói: Nhiệm Tịnh Hữu Dư hai thứ chúng sanh thấy có chướng ngại. Biệt Viên Địa Trụ phần phá vô minh, y chánh hổ dung 1- nhiều tướng tức nên gọi là dung; ba là nêu tướng Hoàn thụ. Xưa giải thích Hoàn thụ cú nghĩa lằng xằng, mê loạn người học. Nay phân hai nghĩa rõ ràng dễ hiểu. Một là ở độ tự phân. Như Diệu Huyền nói: Nếu phân biệt mà nói nghĩa là phương tiện ở ngoài ba cõi. Nếu phân biệt mà nói nghĩa là Thật báo ở ngoài phương tiện lệ đây mà phân biệt nghĩa là Tịch quang ở ngoài Thật báo. Cho nên Tịnh Danh ký hỏi: Ở ngoài ba độ có khác gì Thái Hư? Đáp: Khắp đồng lý khác. Nói lý khác là pháp thân tức độ, lìa thân thì không độ, lìa độ thì không thân. Chỉ chân như thật tướng không phải trí không phải cảnh mà nói trí nói cảnh, không phải thân không phải độ mà nói thân nói độ. Ước nghĩa phân biệt này là thụ đó. Nếu ước tướng tức thì như diệu Lạc nói: Há lìa Già-da, riêng cầu Thường tịch. Không phải ngoài Tịch quang riêng có Ta-bà. Tịnh Danh Ký nói: Hoàn giải là như trước đã dẫn văn kinh Pháp Hoa, chỉ ở độ này mà thầy hai độ trên. Cho nên Tiểu Bị Xích (Tiểu thừa bị chê) thấy tịnh chẳng sợ ngón chân ấn đất là việc ấy. Ước tướng này tức nghĩa thuộc hoàn vậy. - Nếu ước tướng nhiếp (nhiếp

nghĩa), Tịnh Danh ký nói: Đã một độ nhiếp tất cả độ cho nên được cõi này khắp nhiếp hai độ dưới. Theo đây lấy Thắng nhiếp liệt độ thì cũng là Hoành; Hai là cùng giáo đối phân, Diệu Lạc Ký nói: Hoành luận độ thể cùng giáo tương đương, Thụ luận ước độ dụng giáo nhiều ít. Song thụ luận ấy như Chỉ quán nói: Nếu lấy bốn đế mà thụ đối các độ thì có tăng có giảm. Đồng cư có bốn, phương tiện có ba Thật báo thì hai, Tịch quang chỉ một. Phụ Hành giải thích rằng: Thụ ước bày giáo đối cơ, cơ đã tăng giảm bất đồng đến nỗi khiến giáo có nghĩa sai khác. Bốn đội đối giáo ưu liệt (hơn kém) ít nhiều, nên gọi là Thụ. Đây là tướng độ tuy thụ mà giáo là hoành nói. Cho nên Tịnh Danh Ký nói: Song ước Hoành luận thì Đồng cư đủ bốn, ba độ kia giảm dần. Đồng cư cơ tạp bèn lập bốn giáo. Phương tiện chỉ dùng Đại thừa dạy khiến tu học. Lý tuy Biệt viên, bởi vì bảm ba Tạng mới sanh phương tiện. Chưa tập thông môn đầu kia là biết cho nên người học bèn nói Thông giáo dĩ đăng chấp tình. Thật báo ước Hạnh chứng đạo đồng viên. Chỉ ước Hữu dư khi dụng giáo thì giáo đạo hóa cơ nói Biệt khác Viên. Đủ dụng hai giáo mới sanh Thật báo. Tịch quang là thượng phẩm chẳng cần dụng giáo, chỉ bị trung hạ cho nên có tướng Viên thừa lập giáo. Tuy Hoành ở độ tự phân thành thụ. Nếu ước tương tức thì Đồng cư hoành đủ bốn độ thể tương cùng bốn giáo chỉ (cùng ý chỉ của bốn giáo) luận về tương đương. Ba tạng nói về sanh diệt bèn cùng Đồng cư vô thường tương đương. Thông giáo nói huyễn hóa tức không, bèn cùng phương tiện chứng chân tương đương. Biệt giáo tự sự chịu tên, bèn cùng Thật báo cảm quả tương đương. Viên giáo nói về tánh đức bèn cùng Tịch quang Lý thể tương đương. Hoành biện bốn giáo không còn ưu việt nên gọi là Hoành, bốn là bày tướng hữu vô. Diệu Tông nói: Trong kinh luận nói Tịch quang vô tướng chính là đã hết tướng nhiễm ngại, không phải như tướng hư không chẳng có một vật. Bởi do bố thí hoặc đã rốt ráo thanh tịnh, thì y chánh sắc tâm rốt ráo hiển sáng. Cho nên Đại Kinh nói: Nhân diệt sắc ấy mà được thường sắc. Thọ tướng hành thức cũng lại như thế. Nhân vương gọi là năm ấm pháp tánh, cũng là tướng thường Pháp Hoa của thế gian. Đại Phẩm nói: Sắc hương đều là trung đạo ấy thì gọi là Lạc Bang rất ráo, vàng báu rất ráo, ao hoa rất ráo, cây ngọc rất ráo. Lại nữa, đây là bỏ uest tột sạch, được tịnh tận nguồn. Cho nên cõi khổ v.v... phán thuộc ba chương, Lạc ban vàng báu xem là Tịch quang. Nếu ở Tịnh uest bình đẳng là nói thì rất ráo (cuối cùng) cõi khổ bứt đất mà là Tịch quang. Hai thuyết này chỉ thuận tất đàn đều là viên cực. Lại Tịnh giác soạn Tạp Biên nói: Lại Thường tịch quang, là Diệu tánh của thật ba đức, lìa thì là ba pháp, hợp



thì là một tánh, một còn chẳng một, há có tướng khổ vui, hoa thai ư? Phải biết nói vô tướng, lời ấy cũng tóm tắt, nếu nói đầy đủ phải là vô tướng bất tướng. Đó gọi là không có tướng sanh tử, không có tướng Niết-bàn cưỡng ép mà gọi là thật tướng. Nay bàn chỗ luận của hai sư mà nói rằng: Nếu y nói bày mà phân biệt, như Phổ Hiền quán chỉ bày Tịch quang độ, bèn dùng bốn đức mà giải thích pháp ba đức. Cho nên Tổ sư phán Tịch quang là lý, còn ba độ kia là sự. Ước nói này mà phân biệt thì Tịnh giác bèn hợp nghĩa mà phân biệt. Nếu ước tương tức thì lý sở y không còn mà khắp ở sự. Cho nên Duy-ma Sớ hỏi: Riêng có Tịch quang độ chăng? Đáp: Không phải thế, chỉ phần đoạn biến dịch tức là Thường tịch quang. Ngài Tứ Minh bèn hợp nghĩa tương tức cưỡng mà nói phân biệt chỉ giải ngoài ba độ riêng có Tịch quang mà mê Tịch quang thì cũng khắp ba độ. Bèn chấp Tịch quang là không không, song thật chẳng khác Thái Hư, cho nên tôi không lấy ý này. Song Tịnh giác trong Tạp Biên hỏi Tứ Minh rằng: Nay hỏi Y chánh sắc tâm này là thể hay dụng. Nếu nói là thể thì Diệu Huyền bảo trong Thể dụng quyền thật, thì thể tức là thật tướng không có sai khác, dụng tức là lập tất cả pháp sai khác chẳng đồng. Còn Diệu Lạc thì chỉ tịnh duyên làm tất cả pháp, há không phải Thật thể cũng không có tướng tịnh. Nếu nói là dụng, thì y chánh sắc tâm chính là sự của ba độ sau, sao được nhận làm lý của Tịch quang. Nay nói như chỉ yếu rằng: Phạm gọi thể dụng thì vốn là nghĩa tương tức, cho nên phạm nói các pháp tức lý thì toàn dụng tức thể, thì mới có thể nói tức. Phụ Hành nói: Tức thì Nhĩ Nhã gọi là Hợp. Nếu y đây mà giải thích thì vẫn giống như hai vật hợp nhau lại, lý đó cũng còn sơ sài (cạn). Nay lấy nghĩa mà tìm, thể nó chẳng hai nên gọi là tức. Nay bảo toàn thể là dụng mới gọi là chẳng hai. Tức Thích-ca là vua Ta-bà thì tức là Tỳ-lô ở Thường tịch. Cho nên Văn Cú nói: Đồng cư, Hữu dư tự thể nó đều là chỗ quả báo của Diệu sắc Diệu tâm. Kinh Khê giải thích rằng: Tịch quang đã khắp, Giá-na cũng khắp. Đây đều là vẫn nói rõ sự lý tương tức, vì sao lại bỏ sự mà riêng cầu lý ư? - Tạp Biên lại hỏi: Họ dẫn Diệu Kinh Sớ rằng: Thường tức Đức Thường tịch tức Đức Lạc, quang tức Ngã tịnh, là bốn đức Bí Mật Tạng. Diệu Lạc nói: Bản có bốn đức làm sở y, tu đức có bốn đức làm năng y, năng sở đều có năng y. Y ở năng sở; độ sở y hai nghĩa đều ngang nhau, mới là tướng thân độ của Tỳ-lô-giá-na. Lấy đây làm chứng thì Tịch quang có tướng chẳng thể được ư? Đáp: Người này chỉ nghe tên thân độ liền làm hình tướng giải mà chẳng biết bốn đức là vật gì. Lại nói phải hiểu Giá-na vốn không thân độ, tùy thuận thế gian mà cưỡng ép chỉ Diệu giác cực trí làm thân,

lý như pháp giới làm độ. Nếu tiêu hủy văn Diệu lạc thì phải nói: Bản có bốn đức là lý. Tu đức bốn đức là trí. Năng sở đều có thân năng y. Độ sở y nghĩa là lý của Tánh đức làm sở y, Trí của Bản giác làm năng y. Lại lý Tu đức là sở y, trí Thủy giác là năng y. Tu tánh tuy khác, cự tồn cảnh vạn hữu, Thủy Bản tuy hai, thà lưu giữ hình năm ấm. Cho nên Duy-ma Sớ nói: Pháp thân tức độ, lìa thân không độ, lìa độ không thân. Nay nói giải thích này gồm có hai quấy: Một là năng sở chẳng hiện. Diệu Lạc nhân giải thích hạ phương không trung Bồ-tát, bèn lấy thân Bồ-tát để biểu thị cho Tu đức năng y, lấy hư không độ để biểu thị cho Tánh đức sở y. Sao được chỉ giải thích sở biểu tu tánh mà toàn bỏ Thân độ năng biểu; hai là tu tánh bất tức ông ấy lấy lý Tánh đức làm sở y, Trí của Bản giác làm năng y, Lý của Tu đức làm sở y, Trí của Thủy giác làm năng y, Lý của Tu đức làm sở y, Trí của Thủy giác làm năng y. Nay nói Bản giác so với Tu đều thuộc Tánh, Tu lý so với Tánh đều thuộc Tu. Y vào sở giải thì thành, lấy tánh làm mất tánh, lấy tu mà hội tu, không phải tu tánh chẳng hai sao phải nói toàn tánh khởi tu. Cho nên Độ sở y tức là Thân năng y. Tịch quang là Ứng thân, toàn tụ ở tánh cho nên thân năng y là Độ sở y. Ứng thân là Tịch quang mới hiển thân độ bằng nhau. Bèn thấy sự lý không sai khác. Lại nói: Nếu bảo Tịch quang vô tướng thì liền đồng thiên chân. Cũng như Thái Hư, đây là do chẳng biết đại tiểu hai lý, trí chẳng phải trí khác. Như Duy-ma Sớ nói: Đại thừa pháp tánh tức là chân tịch trí tánh, chẳng đồng lý thiên chân của Nhị thừa. Nay hỏi: Tịch quang pháp thân đã đủ vô tướng, thì chân tịch trí tánh là y pháp nào đã bày trí tánh vô y hiển chẳng phải minh giám của trác thức. Tạp biên lại nói nếu căn cứ vào ba thân tướng hổ cụ bốn độ ắt cần phải thân thân tức ba, độ độ đủ bốn. Nếu thế thì pháp thân Tịnh độ há được vô tướng ư? Thông nói: Nay vì ông mà luận bốn độ có nghĩa hổ cụ. Nếu ước sự lý đối nhau mà luận hổ cụ, thì tịch đủ ba độ, bèn toàn thể khởi dụng, vô tướng mà tướng. Ba độ đủ tịch, bèn toàn dụng là thể, tướng tức vô tướng vậy. Nay hỏi: Toàn dụng là thể có thể được vô tướng, nhưng toàn thể khởi dụng thì phải nói là có tướng sao được một mực nói là vô tướng? Tạp Biên lại hỏi: ba tướng nếu chẳng thể trộm vào nhau. Vì sao Kinh Khê lại hỏi: Mỗi một trần sát hay tất cả trần sát. Đáp: Đây chỉ sát tánh khắp nhau, nên nói tất cả. Như kim bài tức nghĩa khắp hẹp, hẹp sao lại khắp, vì hẹp tức là tánh. Lại như hạt cải chứa núi Tu-di, hạt cải làm sao chứa, vì hạt cải cũng là tánh. Văn này chỉ thấy sự tức là Lý mà chẳng thấy lý tức là sự. Lý chẳng tức sự sao được hạt cải chứa núi Tu-di mà chẳng làm hại cây cỏ, sợi lông nuốt biển lớn quấy nhiễu

cá rồng. Táp Biên lại nói: Nếu không có tướng y chánh, đây thì Lý không đủ (chỗ cụ), sự không còn (chỗ tồn) há có thể pháp thân liền đồng tro nát? Đáp: Tiểu thừa vô tướng cũng như lý Thái Hư không sanh pháp. Đại thừa vô tướng cũng như tánh gương sáng chứa các hình ảnh. Tướng (ảnh) do hình đối gương không phải tự khác. Không nói gương tánh đủ tướng (ảnh) liền nói tánh đã sai khác. Nay bảo nếu nói chỉ đủ ở tánh mà không đủ ở tướng thì sao Quán Âm Huyền Nghĩa lại nói ngàn thứ tánh tướng ngậm phục (núp) ở tâm. Lại Bất Nhị Môn nói: Lý tức danh tự quán hạnh đã có y chánh tướng không hai. Than ôi. Tiêu xuyên tuy lưu ý các sơn gia chỉ giải tướng tu tánh là y vào chưa hiểu sự lý có dung tức. Trái pháp chỉ dạy học trò sau này dứt nối.

6) Đối thân, Tịnh Danh Số nói: Hai thứ trước là Ứng, tức là chỗ ở của Ứng Phật. Bởi vì Vương cung đản chất (hiện thân). Rừng hạc dấu thần (tịch diệt) hiện tướng sanh diệt, nói ba tạng pháp hóa Đồng cư độ gọi là Liệt ứng thân kịp khi ở Hữu dư độ thì hiện thân pháp tánh, cơ có thì Ứng thân có, cơ mất thì Ứng thân mất. Đây khác cõi Ta-bà Thông Phật tro đoạn. Đã không phải quả báo nên gọi là Thắng ứng độ. Thứ ba cũng là Báo cũng là ứng, tức chỗ ở của Báo Phật, vì Tha thọ dụng nên gọi là Thật cảm báo, phở ở Địa trụ Bồ-tát Đại cơ, cho nên Phật độ ấy cũng gọi là Ứng. Một độ sau chót là chân tịnh, không phải Ứng cũng không phải báo là chỗ ở của pháp thân. Đây là ước độ thể, hoàng đối bốn Phật. Nếu Thụ Luận Độ thì phạm thánh Đồng cư hiện đủ bốn thân. Phương tiện chỉ có thắng nên không có Liệt ứng. Kỳ thật báo độ không có người của Nhị thừa chỉ có Phật Biệt viên. Tịch quang vô cơ độc diệu pháp thân.

7) Giải hoặc, có người hỏi: Kinh Duy-ma nói: muốn được Tịnh độ phải tịnh tâm mình, tâm mình tịnh tức Phật độ tịnh. Tâm như hình và tiếng, độ như bóng và vang. Chỉ phải tự tịnh tâm mình sao nhờ riêng cầu Tịnh độ? Đáp: Trước nói tâm tịnh phải biện lý sự: Một là tánh tịnh, hai là sự tịnh: 1/ Về tánh tịnh thì kinh Đại Tập nói: Tất cả chúng sanh tâm tánh vốn tịnh. Vì tâm vốn tịnh cho nên các kiết phiền não chẳng thể nhiễm trước mà cũng như hư không. Đây là chúng sanh và cõi nước đồng một pháp tánh, địa ngục cung trời đều là Tịnh độ. 2/ Là sự tịnh, tánh tuy vốn tịnh nhưng tâm bỗng mê, một niệm chẳng biết hai chướng che lâu, nên phải tu ba quán để phá ba hoặc. Cho nên Nhân Vương nói: Ba hiền mười Thánh trụ ở quả báo, chỉ có Phật mình trụ ở Tịnh độ. Lên quả Diệu giác mới là rốt ráo tịnh. Thấp nhất là phạm phu cần thận chớ thaο lạn. Kế nói Tịnh độ cần phải hiểu khó dễ. Luận Bà-sa nói ở thế

---

giới này tu đạo có hai: Một là khó làm ở trong đời ác năm trước, ở trong vô lượng đời Phật mà cầu A-bệ-bạt-trí (bất thối chuyển) thật là khó được, vô số khó này trần sa kiếp cũng chẳng thể nói hết. Hai là đạo dễ làm, nghĩa là tin lời Phật dạy niệm Phật Tam-muội nguyện sanh Tịnh độ, nương sức nguyện của Phật A-di-đà nhiếp trì thì quyết định vãng sanh, nên gọi là Đạo dễ làm. Bấy nghĩa môn này biện các Phật độ. Dầu số hơn bụi đất thì lý đều đồng cảnh tượng. Duỗi ra tuy có vạn hóa, nhưng cuốn lại thì một pháp cũng chẳng lập.

Khi biên soạn đến đây thì đã 64 tuổi rồi, may mà mắt chưa mờ còn viết được chữ nhỏ. Dứt bút rất mừng. Bèn có tụng rằng:

Tiếng Phạm phân rành khó khắp cầu

Viết bài nêu yếu hội mọi người

Tổng trì (năm vững) ba tạng như xem (chỉ trong) bàn tay

Rất mong Hậu Hiền viết tiếp cho.

Tập Phiên Dịch Danh Nghĩa này là của ngài Phổ Nhuận Đại Sư Pháp Vân ở chùa Cảnh Đức tại Cô Tô biên soạn ra. Sách này đến nước này có năm tháng rõ ràng (có hơn một năm), cho nên thường thường khắc bản in ra mà truyền cho đời cũng rất ưa chuộng. Có bản đời Đường để kiểm điểm. Vì quá rộng nên bản có nhiều chỗ thoát giản. Thế nên khảo đính mà bổ sung chỗ thiếu và lược. Lại Bàn gia uy điểm, thì điểm ấy chẳng phải một chuẩn thính ở mọi nơi trường học có người viết chép ắt biết có chỗ phải cũng có chỗ sai. Rất mong những bậc sáng suốt nên thêm hoặc bớt cho. Liều mạng công thọ mộc để rộng truyền vậy.

*Năm Khoang Vĩnh năm, năm Mậu Thìn, Thượng tuần tiết trọng đông (ngày Thượng tuần tháng 11).*

